

Số: /KL-TTrB

Hà Nội, ngày tháng 7 năm 2021

KẾT LUẬN THANH TRA

Về việc Thanh tra việc thực hiện quy định của pháp luật về Phòng, chống tham nhũng; Tài chính nhân sách; Việc tiếp nhận, xử lý, giải quyết đơn thư tại Viện Dinh dưỡng

Thực hiện Quyết định số 33/QĐ-TTr ngày 05/4/2021 của Chánh Thanh tra Bộ Y tế về việc Thanh tra việc thực hiện quy định của pháp luật về Phòng, chống tham nhũng; Tài chính nhân sách; Việc tiếp nhận, xử lý, giải quyết đơn thư tại Viện Dinh dưỡng; Từ ngày 16/4/2021 đến ngày 26/5/2021, Đoàn Thanh tra đã tiến hành công tác thanh tra tại Viện Dinh dưỡng.

Xét báo cáo kết quả thanh tra ngày 10/6/2021 của Trưởng Đoàn thanh tra; Ý kiến của Viện Dinh dưỡng tại văn bản số 419/VDD-KHTH ngày 29 tháng 6 năm 2021; Chánh Thanh tra Bộ Y tế kết luận như sau:

I. KHÁI QUÁT CHUNG VỀ ĐƠN VỊ ĐƯỢC THANH TRA

1. Nhiệm vụ:

Viện Dinh dưỡng (sau đây gọi tắt là Viện) được thành lập theo Quyết định số 181/CP ngày 13/6/1980 của Hội đồng Chính phủ với nhiệm vụ được giao:

+ Nghiên cứu nhu cầu dinh dưỡng của cơ thể người Việt Nam thuộc các ngành, nghề, môi trường công tác, các lứa tuổi, trạng thái sinh lý.

+ Nghiên cứu về cơ cấu bữa ăn của nhân dân cả nước cũng như từng địa phương cho phù hợp với yêu cầu về dinh dưỡng và điều kiện phát triển kinh tế của đất nước trong từng giai đoạn (với sự phối hợp của các ngành có liên quan).

+ Phân tích giá trị dinh dưỡng của các thực phẩm thường dùng ở Việt Nam; xây dựng các tiêu chuẩn ăn, tiêu chuẩn thực phẩm trong cơ cấu bữa ăn của người Việt Nam ở các nhà ăn tập thể và gia đình; phổ biến kiến thức khoa học về ăn uống.

+ Nghiên cứu vệ sinh ăn uống, xây dựng luật lệ về vệ sinh ăn uống, về kiểm nghiệm các thực phẩm chế biến trong nước hoặc nhập khẩu.

+ Nghiên cứu chữa bệnh bằng phương pháp ăn uống, xây dựng các chế độ dinh dưỡng theo bệnh lý.

+ Đào tạo bồi dưỡng cán bộ và nhân viên làm công tác dinh dưỡng.

2. Cơ cấu tổ chức:

Quy chế tổ chức và hoạt động: Ban hành kèm theo Quyết định số 300/QĐ-BYT ngày 27/01/2015 của Bộ trưởng Bộ Y tế. Cụ thể: Bộ máy của Viện bao gồm 21 đơn vị,

bộ phận thuộc Viện; Trong đó: Khối chuyên môn gồm có 11 Khoa, 04 Trung tâm và 06 phòng chức năng.

- Tổng số cán bộ, viên chức, người lao động trong biên chế là 181 người; Trong đó có: 171 viên chức thuộc chỉ tiêu biên chế và 10 người thuộc diện hợp đồng thời vụ làm công tác vệ sinh, môi trường, bảo vệ làm việc thường xuyên tại đơn vị.

- Viện có đội ngũ đông đảo cán bộ, viên chức có trình độ chuyên môn cao, cụ thể: Viên chức có trình độ từ Thạc sĩ, CKI trở lên là 90 người (chiếm 60% lực lượng lao động); Trong đó: Viên chức có trình độ TS, CKII là 29 người, trình độ GS, PGS là 07 người.

II. KẾT QUẢ THANH TRA

A. CÔNG TÁC PHÒNG CHỐNG THAM NHŨNG :

1. Việc triển khai thực hiện các quy định của pháp luật về phòng, chống tham nhũng:

1.1. Việc xây dựng và thực hiện chương trình, kế hoạch phòng, chống tham nhũng tại đơn vị:

Căn cứ Luật Phòng, chống tham nhũng và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan, Viện đã ban hành các văn bản về hướng dẫn, chỉ đạo thực hiện công tác phòng, chống tham nhũng (PCTN) gồm:

a. Các Quyết định liên quan về công tác PCTN:

+ Quyết định số 09/QĐ-VDD ngày 05/01/2016 của Viện trưởng Viện Dinh dưỡng về việc thành lập Ban chỉ đạo phòng, chống tham nhũng Viện Dinh dưỡng.

+ Quyết định số 85/QĐ-VDD ngày 19/01/2018 của Viện trưởng Viện Dinh dưỡng về việc kiện toàn Ban chỉ đạo phòng, chống tham nhũng Viện Dinh dưỡng

+ Quyết định số 2706/QĐ-VDD ngày 25/12/2019 của Viện trưởng Viện Dinh dưỡng về việc thành lập Ban chỉ đạo phòng, chống tham nhũng Viện Dinh dưỡng kèm theo Phân công nhiệm vụ Ban chỉ đạo PCTN của Viện.

+ Quyết định số 2766/QĐ-VDD ngày 31/12/2019 của Viện trưởng Viện Dinh dưỡng v/v ban hành Quy chế phòng, chống tham nhũng của Viện Dinh dưỡng.

b. Kế hoạch triển khai công tác PCTN hằng năm của đơn vị:

Viện đã ban hành các Kế hoạch công tác phòng, chống tham nhũng các năm 2018, 2019, 2020 như: Kế hoạch số 175/KH-VDD ngày 11/5/2018, số 170/KH-VDD ngày 28/3/2019 và số 298/KH-VDD ngày 27/4/2020)

Ủy ban kiểm tra Đảng ủy Viện xây dựng kế hoạch kiểm tra, giám sát các chi bộ trực thuộc hằng năm, trong đó có một số nội dung kiểm tra cụ thể như việc lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng và triển khai Đề án thực hiện Nghị quyết 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của BCHTW về một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn..., kiểm tra kết quả 3 năm triển khai thực hiện Chỉ thị 05-CT/TW ngày

15/5/2016 của Bộ Chính trị về đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh, kiểm tra việc triển khai thực hiện NQ TW4 của BCH TƯ khóa XII.

c. Thực hiện chế độ báo cáo công tác PCTN:

Hàng năm đơn vị có báo cáo công tác PCTN gửi Thanh tra Bộ Y tế:

Báo cáo số 462/BC-VDD ngày 10/8/2018; số 1855/BC-VDD ngày 31/12/2019; số 2486/BC-VDD ngày 31/12/2020. Báo cáo số 356/BC-VDD ngày 08/5/2020 của Viện Dinh dưỡng về kết quả thực hiện Chỉ thị 27-CT/TW ngày 10/01/2019 của Bộ Chính trị về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác bảo vệ người phát hiện, tố giác, người đấu tranh chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực gửi Thanh tra Bộ Y tế.

Báo cáo số 12-BC/ĐU ngày 21/5/2018 của Đảng ủy Viện Dinh dưỡng về công tác xây dựng Đảng gắn với việc thực hiện Chương trình 01 của Thành ủy Hà Nội và Quận ủy Hai Bà Trưng; nghị quyết số 15-NQ/TU ngày 04/7/2017 của Thành ủy Hà Nội về “Xây dựng tổ chức cơ sở Đảng trong sạch vững mạnh, củng cố cơ sở Đảng yếu kém; giải quyết các vấn đề phức tạp về an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn xã, phường, thị trấn thuộc thành phố Hà Nội”; Nghị quyết Trung ương 04 (Khóa XII); Chỉ thị số 05-CT/TU ngày 15/5/2016 của Bộ Chính trị về “Đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh” theo Kế hoạch số 99-KH/QU ngày 09/5/2018.

Hạn chế, tồn tại:

Có Ban chỉ đạo PCTN, tuy nhiên thành phần Ban chỉ đạo còn hạn chế, một số thành viên Ban chỉ đạo chưa phải là đại diện lãnh đạo, tổ chức chính trị tại đơn vị nên khó khăn trong chỉ đạo, hoạt động; Thực hiện chế độ báo cáo Quý, 6 tháng, 9 tháng theo yêu cầu tại Kế hoạch PCTN hàng năm của Bộ Y tế còn chưa đầy đủ.

1.2. Tổ chức tuyên truyền, phổ biến, quán triệt chủ trương, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước về phòng, chống tham nhũng tại đơn vị:

- Việc chỉ đạo công tác tuyên truyền PCTN của cấp ủy; Thông qua Nghị quyết của Đảng ủy và xây dựng Kế hoạch tuyên truyền công tác PCTN hàng năm 2018, 2019, 2020 (Kế hoạch số 12-KH/ĐU ngày 28/12/2017, số 13-KH/ĐU ngày 26/12/2018, số 15-KH/ĐU ngày 25/12/2019).

Thời kỳ thanh tra (3 năm 2018, 2019, 2020), Viện đã tổ chức được 06 lớp tập huấn tuyên truyền, nhận thức công tác PCTN cho cán bộ, viên chức, người lao động (Mỗi năm tổ chức được 02 lớp). Nội dung bài tuyên truyền được xây dựng chu đáo, phân công giảng viên là các đồng chí cán bộ chủ chốt, có trình độ hiểu biết... bám sát nội dung pháp luật PCTN và các tài liệu tuyên truyền cụ thể theo kế hoạch của Bộ Y tế: NQ TW3 khóa X, Kết luận 21-KL/TW ngày 25/5/2012 của BCH TƯ khóa XI, Kết luận 10-KL/TW ngày 26/12/2016 của Bộ Chính trị, Quy định số 65-QĐ/TW ngày 03/02/2017 của Ban Bí thư TƯ Đảng về chỉ đạo, định hướng cung cấp thông tin tuyên truyền PCTN, Kết luận của Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng tại Hội nghị toàn quốc về công tác PCTN năm 2018, Chỉ thị 05-CT/TW ngày 15/5/2016 của Bộ Chính trị về đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh, NQ TW 4 (khóa XI) Nghị quyết TƯ 4

(khóa XII) về tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng, ngăn chặn đẩy lùi suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ...

Viện đã chú trọng việc triển khai các văn bản của Cấp ủy cấp trên như:

Hướng dẫn số 29-HD/BTGQU ngày 05/02/2018 của Ban Tuyên giáo Quận ủy Hai Bà Trưng hướng dẫn công tác thông tin, tuyên truyền giáo dục về phòng, chống tham nhũng và lãng phí: Việc tuyên truyền công tác PCTN của đơn vị đã bám sát các văn bản cần tuyên truyền theo Hướng dẫn của Quận ủy.

Triển khai Quy định số 205-QĐ/TW ngày 23/9/2019 của Ban Chấp hành Trung ương quy định về kiểm soát quyền lực trong công tác cán bộ và chống chạy chức, chạy quyền, Quy định số 01-QĐi/TW ngày 10/5/2018 quy định trách nhiệm và thẩm quyền của ủy ban kiểm tra trong công tác PCTN.

Hạn chế tồn tại:

Việc học tập, phổ biến về Luật PCTN, Luật thực hành tiết kiệm chống lãng phí, Luật Tố cáo, Luật Khiếu nại, Luật Tiếp công dân, Chỉ thị 35/TW của Bộ Chính trị... còn lỏng ghép trong các buổi giao ban, sinh hoạt chi bộ... chưa được tổ chức thành các lớp theo chuyên đề riêng.

1.3. Việc thực hiện Quy tắc ứng xử của công chức, viên chức, người lao động; Quy tắc đạo đức nghề nghiệp:

- Việc thực hiện Quy tắc ứng xử của cán bộ, công chức, viên chức, Quy tắc đạo đức nghề nghiệp:

Viện đã thành lập Ban chỉ đạo thực hiện Quy tắc ứng xử (QTUX) tại Quyết định số 159/QĐ-VDD ngày 09/3/2015 của Viện trưởng Viện Dinh dưỡng về việc thành lập Ban chỉ đạo thực hiện Quy tắc ứng xử của công chức, viên chức, người lao động làm việc tại Viện. Đ/c Bí thư Đảng ủy, Viện trưởng là Trưởng ban, đ/c Phó Viện trưởng, Chủ tịch Công đoàn là Phó trưởng ban; Các thành viên gồm đại diện Phòng Tổ chức hành chính, phòng kế hoạch tổng hợp, phòng tài chính kế toán. Viện đã kiện toàn Ban chỉ đạo thực hiện Quy tắc ứng xử tại các Quyết định số 1775/QĐ-VDD ngày 12/12/2017, số 1226/QĐ-VDD ngày 12/8/2020 của Viện trưởng Viện Dinh dưỡng.

Viện trưởng đã ban hành Quyết định số 308/QĐ-VDD ngày 08/4/2016 về việc ban hành Quy tắc ứng xử và văn hóa làm việc của công chức, viên chức, người lao động tại Viện. Có bản Cam kết trong việc phối hợp, hỗ trợ thực hiện các hoạt động Công đoàn cơ quan giữa Ban Chấp hành Công đoàn và Ban Lãnh đạo Viện.

Viện đã xây dựng Kế hoạch triển khai thực hiện Thông tư 07/2014/TT-BYT của Bộ Y tế quy định về quy tắc ứng xử của công chức, viên chức, người lao động làm việc tại các cơ sở y tế hằng năm: Kế hoạch số 53/KH-VDD ngày 27/02/2018; số 09/KH-VDD ngày 08/01/2019; số 52/KH-VDD ngày 04/02/2020.

Công tác tập huấn, tuyên truyền hằng năm: Theo báo cáo của Viện, năm 2016 và 2020 đơn vị tổ chức được 02 lớp tập huấn cho cán bộ viên chức có nhu cầu và CBVC mới trúng tuyển.

Viện đã thực hiện chế độ báo cáo công tác hằng năm theo Thông tư 07/2014/TT-BYT của Bộ Y tế, cụ thể: Báo cáo số 1765/BC-VDD ngày 09/11/2020 của Viện về kết quả xây dựng và thực hiện Quy chế dân chủ năm 2020 gửi Bộ Y tế; Các Báo cáo số 1018/BC-VDD ngày 18/12/2018, số 1858/BC-VDD ngày 31/12/2019 và số 2488/BC-VDD ngày 31/12/2020; Tuy nhiên, nội dung báo cáo còn hạn chế, chưa nêu đầy đủ các mặt hoạt động, các phong trào thi đua tại đơn vị.

1.4. Việc ban hành các Quy chế/chế độ hoạt động tại đơn vị:

Để quản lý các hoạt động, Viện đã chủ động ban hành các Quy chế/chế độ hoạt động tại đơn vị như:

Năm 2019: Quyết định số 51/QĐ-VDD ngày 15/01/2019 của Viện trưởng Viện Dinh dưỡng về việc ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ. Các nội dung chi khác, gồm: Chi cho cán bộ đi công tác để thực hiện việc chỉ đạo, kiểm tra, giám sát công tác TĐKT, chi tổ chức các hội nghị ký kết giao ước thi đua, hội nghị sơ kết, tổng kết... thực hiện theo quy định hiện hành của nhà nước và của Quy chế chi tiêu nội bộ theo từng nội dung tương ứng.

Năm 2020: Quyết định số 37/QĐ-VDD ngày 06/01/2020 của Viện trưởng Ban hành; Quyết định số 1675/QĐ-VDD ngày 01/12/2017 của Viện trưởng ban hành về Quy chế thi đua khen thưởng.

Viện trưởng ban hành quy chế công tác của Viện Dinh dưỡng tại Quyết định số 282/QĐ-TCHC ngày 20/4/2015.

Đề án Tổ chức và hoạt động của Viện được Bộ trưởng Bộ Y tế phê duyệt tại Quyết định số 252/QĐ-BYT ngày 26/02/2020.

Quy chế thực hiện dân chủ trong hoạt động của Viện Dinh dưỡng, ban hành kèm theo Quyết định số 469/QĐ-TCHC ngày 13/5/2016 của Viện trưởng.

Chế độ chi thi đua, khen thưởng được thực hiện theo quy định tại ND 97/2017/NĐ-CP ngày 31/7/2017; Thông tư 08/2017/TT-BNV và Quy chế chi tiêu nội bộ của Viện, ban hành kèm theo Quyết định số 37/QĐ-VDD ngày 06/01/2020 của Viện trưởng Viện Dinh dưỡng

1.5. Công khai minh bạch trong hoạt động của đơn vị:

1.5.1. Công khai, minh bạch trong xây dựng cơ bản và mua sắm công:

Theo báo cáo của đơn vị, hoạt động xây dựng và mua sắm được thực hiện công khai theo quy định.

1.5.2. Công khai minh bạch về quản lý, sử dụng trong công tác tài chính, quyết toán ngân sách nhà nước:

1.5.2.1. Công khai trong quản lý, sử dụng tài chính, quyết toán NSNN:

+ Năm 2018:

Viện trưởng ban hành Quyết định số 141/QĐ-VDD ngày 12/02/2018 công bố công khai dự toán thu, chi NSNN các năm 2018 (kèm Quyết định số 5885/QĐ-BYT ngày 29/12/2017 của Bộ Y tế về việc giao dự toán thu, chi NSNN năm 2018, Quyết định số 6122/QĐ-BYT ngày 29/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc giao dự toán chi thực hiện Chương trình mục tiêu Y tế Dân số năm 2018. Thông báo niêm yết công khai ngày 12/02/2018; Quyết định số 449/QĐ-VDD ngày 09/4/2019 công bố công khai thực hiện dự toán NSNN năm 2018. Thông báo niêm yết công khai ngày 12/4/2019; Quyết định số 473/QĐ-VDD ngày 12/4/2019 công bố công khai quyết toán NSNN năm 2018; Thông báo niêm yết công khai ngày 12/4/2019.

+ Năm 2019:

Quyết định số 101/QĐ-VDD ngày 11/02/2019 của Viện trưởng công bố công khai dự toán thu, chi NSNN năm 2019 (kèm Quyết định số 7788/QĐ-BYT ngày 28/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc giao dự toán thu, chi NSNN năm 2019, Quyết định số 7878/QĐ-BYT ngày 28/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc giao dự toán chi thực hiện Chương trình mục tiêu Y tế Dân số năm 2019) - Thông báo niêm yết công khai ngày 11/02/2019; Quyết định số 459/QĐ-VDD ngày 10/4/2020 công bố công khai thực hiện dự toán NSNN năm 2019 - Thông báo niêm yết công khai ngày 12/4/2019); Quyết định số 462/QĐ-VDD ngày 10/4/2020 công bố công khai quyết toán NSNN năm 2019; Thông báo niêm yết công khai ngày 12/4/2019.

+ Năm 2020: Quyết định số 86/QĐ-VDD ngày 21/01/2020 công bố công khai dự toán thu, chi NSNN năm 2020 (kèm Quyết định số 6099/QĐ-BYT ngày 30/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc giao dự toán thu, chi NSNN năm 2020, Quyết định số 6125/QĐ-BYT ngày 31/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc giao dự toán chi thực hiện Chương trình mục tiêu Y tế Dân số năm 2020); Thông báo niêm yết công khai ngày 21/01/2020.

Hình thức công khai: Thông báo tại buổi chào cờ đầu tuần, trong cuộc họp giao ban Viện và niêm yết công khai tại Bảng tin của Viện (tầng 1 nhà A).

1.5.2.2. Công khai, minh bạch quản lý, sử dụng các khoản tài trợ, viện trợ, đóng góp hằng năm:

Theo báo cáo của Viện, trong thời kỳ thanh tra từ 2018-2020 tại đơn vị triển khai một số dự án được tài trợ, cụ thể:

+ Dự án nghiên cứu “Hiệu quả bổ sung sữa uống lên men Yakult-Lactobacillus casei Shirota- lên tình trạng tiêu hóa, nhiễm khuẩn hô hấp và dinh dưỡng ở trẻ 3-5 tuổi tại 4 xã tỉnh Thanh Hóa” do tập đoàn Yakult Honsha Nhật Bản tài trợ;

+ Viện trợ phi dự án của Đại học Tufts, Hoa Kỳ, nội dung thực hiện: tổ chức 01 nghiên cứu về điều tra khẩu phần tại cộng đồng ở Việt Nam.

+ Viện trợ phi dự án của International Center Tropical Agriculture (CIAT), Columbia, nội dung thực hiện: nghiên cứu về điều tra khẩu phần ăn, dinh dưỡng và hành vi của người tiêu dùng ở Hà Nội và tỉnh Sơn La.

+ Dự án “Phát triển mạng lưới đào tạo dinh dưỡng Việt Nam” do Quỹ Ajinomoto và Công ty Ajinomoto Việt Nam tài trợ.

+ Dự án “Kháng sinh và sức khỏe trong chăn nuôi lợn tại Việt Nam” (VIDA-PIG) sử dụng viện trợ không hoàn lại của Chính phủ Đan Mạch.

+ Dự án “Đánh giá hoạt tính sinh học, độc cấp tính và bán trường diễn của bột Proteoglycan F từ sụn cá hồi hỗ trợ điều trị thoái hóa khớp trên chuột thực nghiệm” do Công ty Ichimaru Pharcos.Ltd Japan và Makise Clinic, Japan tài trợ.

+ Dự án “Nghiên cứu kiểm định, chi phí và tính khả thi của công cụ điều tra khẩu phần inndex 24 tại Việt Nam” do Trường Đại học Tufts, Hoa Kỳ tài trợ.

+ Dự án “Nghiên cứu thực trạng tiêu thụ thức ăn nhanh và mối liên quan với dinh dưỡng, sức khỏe, phúc lợi và môi trường” do FAO viện trợ.

+ Dự án “Tình trạng dinh dưỡng trẻ em Việt Nam từ 0,5 đến 11,9 tuổi” do Công ty FrieslandCampina Nederland B.V tài trợ.

Hình thức công khai: Tại các cuộc họp giao ban đầu tuần.

1.5.3. Công khai, minh bạch trong công tác đào tạo:

Đơn vị thực hiện công khai rộng rãi trên trang thông tin điện tử của Viện và thông báo bằng văn bản đến các địa phương được biết.

1.5.4. Công khai, minh bạch trong lĩnh vực nghiên cứu khoa học:

Đơn vị thực hiện công khai rộng rãi trên trang thông tin điện tử của Viện các hoạt động nghiên cứu khoa học tại đơn vị.

1.5.5. Công khai, minh bạch kết quả thanh tra, kiểm toán nhà nước, giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo (nếu có):

Công khai minh bạch kết quả thanh tra, kiểm toán nhà nước, giải quyết đơn thư khiếu nại tố cáo:

Ngày 27/11/2018 Kiểm toán Nhà nước có văn bản số 1014/TB-KTNN thông báo kết luận và kiến nghị kiểm toán tại Viện Dinh dưỡng (thực hiện Quyết định số 1380/QĐ-KTNN ngày 14/6/2018 của Tổng Kiểm toán nhà nước về việc kiểm toán việc quản lý, sử dụng tài chính công, tài sản công năm 2017 và chuyên đề quản lý, sử dụng nguồn vốn ODA giai đoạn 2015-2017 tại Bộ Y tế), trong đó có các nội dung kiến nghị: Kiến nghị điều chỉnh sổ kế toán, báo cáo quyết toán năm 2017 theo kết luận và kiến nghị của Kiểm toán nhà nước; Kiến nghị về xử lý tài chính (nộp vào NSNN số thuế phải nộp của hoạt động dịch vụ 41.891.793 đ gồm thuế GTGT 18.544.149 đ; thuế TNDN 23.347.644đ); kiến nghị chấn chỉnh công tác quản lý ngân sách, tiền và tài sản nhà nước.

Ngày 17/12/2018 Viện trưởng ban hành văn bản số 2490/QĐ-VDD về việc công khai Thông báo kết quả kiểm toán của Kiểm toán Nhà nước tại Viện Dinh dưỡng, thực hiện niêm yết công khai tại Bảng tin của Viện theo Thông báo niêm yết công khai ngày 17/12/2018.

Ngày 09/4/2019 Viện trưởng ban hành Quyết định số 2389/QĐ-YDTB về việc công bố công khai Báo cáo thực hiện kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước năm 2017, niêm yết công khai báo cáo thực hiện kiến nghị tại bảng tin của Viện theo Thông báo niêm yết công khai ngày 09/4/2019 và báo cáo Vụ Kế hoạch - Tài chính kết quả thực hiện kiến nghị của Kiểm toán nhà nước (Báo cáo số 206/VDD-TCKT ngày 09/4/2019): Viện đã nộp NSNN số tiền 41.891.793 đ, trong đó: thuế GTGT: 18.544.149 đ, thuế TNDN: 23.347.644 đ; điều chỉnh sổ sách kế toán, báo cáo quyết toán năm 2017 theo kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước.

Theo báo cáo của Viện, thời kỳ thanh tra đơn vị không nhận được đơn thư khiếu nại, tố cáo của tổ chức hoặc công dân.

1.5.6. Việc kê khai, minh bạch TSTN:

- Việc kê khai tài sản, thu nhập:

Năm 2018:

Đơn vị đã xây dựng Kế hoạch số 504/KH-VDD ngày 06/12/017 công khai Bản kê khai tài sản, thu nhập năm 2017.

Đơn vị có Công văn số 531/VDD-TCHC ngày 15/11/2017 gửi Vụ Tổ chức cán bộ về việc thực hiện các quy định về kê khai tài sản, thu nhập năm 2017 kèm Danh sách công chức, viên chức, người lao động có nghĩa vụ kê khai tài sản, thu nhập năm 2017, tổng số 33 người, trong đó: Số người thuộc Bộ Y tế quản lý: 03 công chức; Số người thuộc Viện quản lý: 30 người.

Biên bản ngày 05/02/2018 công khai Bản kê khai tài sản, thu nhập năm 2018: công khai Bản kê khai tài sản, thu nhập của 03 công chức thuộc Bộ Y tế quản lý. Hình thức công khai: Công khai tại cuộc họp. Biên bản ngày 05/02/2018 công khai Bản kê khai tài sản, thu nhập năm 2018: công khai Bản kê khai tài sản, thu nhập của 03 công chức thuộc Bộ Y tế quản lý. Hình thức công khai: Công khai tại cuộc họp. Tại các khoa, phòng: 19/19 khoa, phòng, trung tâm thực hiện việc công khai Bản kê khai tài sản, thu nhập của 30 người

Năm 2019:

Đơn vị đã xây dựng Kế hoạch số 859/KH-VDD ngày 12/11/2018 của Viện Dinh dưỡng công khai bản kê khai tài sản, thu nhập năm 2018. Đơn vị có Công văn số 585/VDD-TCHC ngày 12/11/2018 gửi Vụ Tổ chức cán bộ báo cáo danh sách công chức, viên chức, người lao động có nghĩa vụ kê khai tài sản, thu nhập năm 2018, tổng số 31 người, trong đó: Số người thuộc Bộ Y tế quản lý: 03 công chức; Số người thuộc Viện quản lý: 28 người.

Biên bản ngày 21/01/2019 công khai Bản kê khai tài sản, thu nhập năm 2018: công khai Bản kê khai tài sản, thu nhập của 03 công chức thuộc Bộ Y tế quản lý. Hình thức công khai: Công khai tại cuộc họp. Tại các khoa, phòng: 19/19 khoa, phòng, trung tâm thực hiện việc công khai Bản kê khai tài sản, thu nhập của 28/28 người.

Báo cáo số 37/BC-VDD ngày 28/01/2019 về kết quả công khai bản kê khai tài sản, thu nhập của Viện gửi Vụ Tổ chức cán bộ, Bộ Y tế theo mẫu quy định tại Thông tư số 08/2013/TT-TTCT ngày 31/10/2013 của Thanh tra Chính phủ.

Năm 2020:

Thực hiện văn bản số 7099/BYT-TCCB ngày 02/12/2019 Bộ Y tế về việc chỉ đạo hướng dẫn của Thanh tra Chính phủ theo quy định mới việc tổ chức thực hiện kê khai tài sản thu nhập năm 2019 nên Viện chưa thực hiện việc kê khai TSTN.

Tồn tại, hạn chế:

Viện đã thực hiện công tác kê khai tài sản thu nhập theo quy định, Tuy nhiên, Đoàn kiểm tra ngẫu nhiên 10 bản kê khai của các cá nhân thuộc diện phải kê khai, thấy: Người kê khai chưa hiểu rõ các yêu cầu kê khai, kê chưa đúng mẫu quy định, chưa logic giữa đất và nhà... Thiếu thông tin diễn biến tăng, giảm tài sản.

1.5.7. Công khai, minh bạch trong công tác tổ chức cán bộ:

1.5.7.1. Việc tuyển dụng cán bộ, công chức, viên chức và người lao động:

Thời kỳ thanh tra tại đơn vị, năm 2020 Viện có tổ chức một đợt tuyển dụng viên chức, người lao động theo hình thức xét tuyển.

Viện đã căn cứ vào Quyết định số 1804/QĐ-BYT ngày 14/5/2019 về việc giao số lượng người làm việc và hợp đồng lao động của Bộ Y tế; Đề án việc làm của Viện được Bộ Y tế phê duyệt năm 2014; Quyết định số 3144/QĐ-BYT ngày 20/7/2020 về việc phê duyệt Đề án bổ sung và điều chỉnh số lượng người làm việc của Bộ Y tế.

Trên cơ sở đó, Viện đã xây dựng kế hoạch tuyển dụng, trình Bộ Y tế (Vụ TCCB) xem xét, phê duyệt tại văn bản số 5366/BYT-TCCB ngày 07/10/2020. Theo báo cáo của Viện, đơn vị đã tổ chức Hội đồng, các Ban chuyên môn... để triển khai việc tuyển dụng theo quy định của pháp luật; Kết quả được trình Bộ Y tế phê duyệt; Thực hiện công khai đăng tuyển trên báo Nhân dân, kết quả tuyển dụng được thông báo công khai tại Viện. Hình thức công khai: Trên trang điện tử của Viện và các buổi giao ban đơn vị.

1.5.7.2. Quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, đánh giá cán bộ, công chức, viên chức:

- Công tác quy hoạch: Căn cứ vào Hướng dẫn của Bộ Y tế tại các Quyết định số 1730/QĐ-BYT ngày 08/5/2015 và Quyết định số 4213/QĐ-BYT ngày 20/9/2017 về việc ban hành hướng dẫn thực hiện công tác quy hoạch cán bộ đối với các đơn vị thuộc và trực thuộc Bộ Y tế, Viện đã ban hành Kế hoạch số 833/KH-VDD ngày 06/11/2018 về việc Quy hoạch cán bộ để tiến hành các quy trình Quy hoạch theo quy định. Theo báo cáo của Viện, đơn vị đã thực hiện quy hoạch chức danh Trưởng các đơn vị thuộc viện: 23 cán bộ; Quy hoạch chức danh Phó trưởng các đơn vị thuộc viện: 34 cán bộ. Quy

hoạch lãnh đạo Viện: Căn cứ Kế hoạch số 833/KH-VDD Viện đã thực hiện các quy trình theo quy định trình Bộ Y tế phê duyệt; Danh sách cán bộ quy hoạch lãnh đạo Viện được Bộ Y tế phê duyệt tại quyết định số 163/QĐ-BCSD ngày 06/6/2019 của Ban Cán sự Đảng Bộ Y tế gồm: Quy hoạch chức danh Viện trưởng: 2 cán bộ; quy hoạch chức danh Phó Viện trưởng phụ trách chuyên môn: 04 cán bộ; quy hoạch chức danh Phó Viện trưởng phụ trách kinh tế: 02 cán bộ.

- Công tác đào tạo: Thời kỳ thanh tra Viện ban hành Quyết định số 20/QĐ-VDD ngày 4/1/2018 về thực hiện Kế hoạch đào tạo và bồi dưỡng; Quyết định số 02/QĐ-VDD ngày 2/1/2019 về thực hiện Kế hoạch đào tạo và bồi dưỡng và Quyết định số 84/QĐ-VDD ngày 17/01/2020 về thực hiện Kế hoạch đào tạo và bồi dưỡng, đồng thời có kế hoạch đào tạo trình độ quản lý nhà nước cấp phòng cho 63 viên chức. Tuy nhiên do dịch Covid 19 nên Viện chưa triển khai được kế hoạch, dự kiến Viện sẽ triển khai trong Quý 2 năm 2021. Kết quả:

Năm 2018: Có 31 viên chức tốt nghiệp lớp Trung cấp lý luận chính trị. 03 viên chức tốt nghiệp lớp Lãnh đạo quản lý đơn vị sự nghiệp. 03 viên chức tốt nghiệp thạc sĩ.

Năm 2019: Có 02 viên chức tốt nghiệp lớp Cao cấp lý luận chính trị. 03 viên chức tốt nghiệp lớp Trung cấp lý luận chính trị. 01 viên chức tốt nghiệp tiến sĩ và 01 viên chức tốt nghiệp thạc sĩ.

Năm 2020: Có 01 viên chức được cử đi học lớp Cao cấp lý luận chính trị. 01 viên chức tốt nghiệp tiến sĩ. 02 viên chức được cử đi học Lớp Lãnh đạo quản lý đơn vị sự nghiệp.

- Công tác đánh giá cán bộ, viên chức, người lao động được Viện thực hiện hằng năm theo quy định. Kiểm tra công tác này, Đoàn thanh tra thấy: Bản tự đánh giá của cá nhân còn sơ sài, chưa nêu bật được nhiệm vụ đã thực hiện, các mặt ưu điểm, nhược điểm của cá nhân trong kỳ nhận xét, đánh giá. Đơn vị cần rút kinh nghiệm để công tác đánh giá viên chức, người lao động trong đơn vị được tốt hơn.

Hình thức công khai: Công khai trong họp giao ban đơn vị.

1.5.7.3. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm, cách chức, cho thôi việc, cho thôi giữ chức vụ, hưu trí đối với cán bộ viên chức:

Theo báo cáo của đơn vị, hằng năm Viện thực hiện việc rà soát các vị trí lãnh đạo, vị trí việc làm của toàn bộ lãnh đạo đơn vị, nhân viên trong viện, báo cáo Cấp ủy, Ban lãnh đạo Viện về công tác bổ nhiệm, tái bổ nhiệm... và tiến hành bổ nhiệm, tái bổ nhiệm theo hướng dẫn tại quyết định số 4286/QĐ-BYT ngày 04/7/2018 của Bộ Y tế. Viện Dinh dưỡng đã ban hành QĐ số 1848/QĐ-VDD quy định về tiêu chuẩn và quy trình bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, điều động, luân chuyển, từ chức, miễn nhiệm đối với các chức danh lãnh

đạo quản lý trong các đơn vị của Viện Dinh dưỡng. Quy trình Bỏ nhiệm/ Bỏ nhiệm lại... được Viện thực hiện đầy đủ các bước theo quy định.

Trong kỳ báo cáo, Viện Dinh dưỡng không có cán bộ nào thuộc miễn nhiệm, bãi nhiệm, cách chức; Viện đã thực hiện cho thôi việc theo nguyện vọng cá nhân của 22 người (13 viên chức và 9 hợp đồng), thực hiện công tác nghỉ hưu theo chế độ cho 09 người. Hình thức công khai: Công khai trong họp giao ban đơn vị.

1.5.7.4. Chuyển ngạch, nâng ngạch, luân chuyển, điều động, biệt phái cán bộ, công chức, viên chức:

Thời kỳ thanh tra, Viện không thực hiện chuyển ngạch, nâng ngạch cho cá nhân nào theo thẩm quyền của Viện trưởng. Viện làm thủ tục cử dự thi và đề xuất thăng hạng chức danh nghề nghiệp cho 01 nghiên cứu viên chính, 02 bác sĩ chính.

Công tác biệt phái: Viện có cử 04 bác sĩ đang công tác biệt phái, kiêm nhiệm tại 04 bệnh viện là Bệnh viện Lão khoa TW, Bệnh viện Nội tiết TW, Bệnh viện Ung bướu Hà Nội và Bệnh viện Bạch Mai

1.5.7.5. Nâng lương, thưởng, khen thưởng, kỷ luật cán bộ, công chức, viên chức, người lao động: quy chế nâng lương, kết quả xét nâng lương, kết quả phân loại, bình xét thi đua, khen thưởng:

- Việc nâng lương cho viên chức, người lao động của viện được triển khai theo tiêu chuẩn tại Thông tư số 08/2013/TT-BNV ngày 31/7/2013 và Thông tư số 04/2005/TT-BNV ngày 05/ 01/ 2005 của Bộ Nội vụ hướng dẫn về nâng bậc thường xuyên và nâng bậc trước thời hạn, hưởng phụ cấp thâm niên vượt khung và quy chế nâng lương tại Viện. Cụ thể:

Năm 2018: Thực hiện nâng lương cho 71 người. Trong đó, diện nâng lương thường xuyên cho 61 viên chức, người lao động, vượt khung cho 4 viên chức, nâng lương trước thời hạn do lập thành tích xuất sắc cho 6 viên chức.

Năm 2019: Thực hiện nâng lương cho 66 lao động. Trong đó, diện nâng lương thường xuyên cho 56 viên chức, người lao động, vượt khung cho 3 viên chức, nâng lương trước thời hạn do lập thành tích xuất sắc cho 7 viên chức.

Năm 2020: Thực hiện nâng lương cho 63 lao động. Trong đó, diện nâng lương thường xuyên cho 55 viên chức, người lao động, vượt khung cho 2 viên chức, nâng lương trước thời hạn do lập thành tích xuất sắc cho 6 viên chức.

Thưởng, khen thưởng: kỷ luật cán bộ, công chức, viên chức, người lao động: quy chế nâng lương, kết quả xét nâng lương, kết quả phân loại, bình xét thi đua, khen thưởng:

Việc xét khen thưởng thi đua trong Viện: Thực hiện tiêu chuẩn thi đua khen thưởng và mức khen thưởng đối với các công chức, viên chức và người lao động theo Nghị định số 91/NĐ-CP ngày 31/07/2017 của Chính phủ. Viện Dinh dưỡng đã ban hành Quy chế thi đua khen thưởng số 1675/QĐ-VDD ngày 1/12/2017 và thành lập Hội đồng thi đua khen thưởng của Viện theo Quyết định số 2431/QĐ-VDD ngày 11/12/2018; Quyết định số 2748/QĐ-VDD ngày 31/12/2019. Kết quả như sau:

Năm 2018: Có 11 Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở, Giấy khen Viện trưởng (4 tập thể và 68 cá nhân), Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Y tế (01 tập thể và 8 cá nhân), 11 tập thể lao động xuất sắc.

Năm 2019: Có 01 Cờ Thi đua chính phủ, 02 Chiến sĩ thi đua cấp Bộ, 13 Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở, Giấy khen Viện trưởng (4 tập thể và 64 cá nhân), Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Y tế (02 tập thể và 6 cá nhân), 12 tập thể lao động xuất sắc.

Năm 2020: Có 01 Huân chương Lao động hạng III, 17 Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở, Giấy khen Viện trưởng (02 tập thể và 64 cá nhân).

Hình thức công khai: Công khai niêm yết danh sách tại bảng tin, ban hành quyết định kèm theo.

1.5.8. Công tác tự kiểm tra:

Theo báo cáo, công tác tự kiểm tra của cơ quan, đơn vị thời kỳ thanh tra, Đoàn thanh tra thấy:

Viện có thành lập Ban thanh tra nhân dân (TTND) nhiệm kỳ 2019-2021, gồm 3 viên chức; Ban thanh tra nhân dân có phân công nhiệm vụ các thành viên, có xây dựng Kế hoạch hoạt động, có tổ chức triển khai công tác kiểm tra trong đơn vị.

Ban TTND đã phát huy vai trò của mình trong việc thực hiện công khai minh bạch và thực hiện quy chế dân chủ cơ sở trong các Hội nghị cán bộ công chức, viên chức Viện các năm 2018, 2019, 2020 theo quy định tại Nghị định số 04/2015/NĐ-CP ngày 09/01/2015 của Chính phủ quy định về thực hiện dân chủ trong hoạt động của cơ quan hành chính nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập. Tuy nhiên, Đơn vị cần quan tâm tăng cường hơn nữa hoạt động của Ban TTND để phát huy hiệu quả công tác kiểm tra, tự kiểm tra tại đơn vị trong thời gian tới.

B. CÔNG TÁC QUẢN LÝ TÀI CHÍNH, NGÂN SÁCH :

I. Cơ sở pháp lý và công tác lập dự toán:

1. Cơ sở pháp lý:

Năm 2018:

- Quyết định 5885/QĐ-BYT ngày 29/12/2017 về việc giao dự toán thu, chi ngân sách năm 2018,
- Quyết định 6122/QĐ-BYT ngày 29/12/2017 về việc giao dự toán thu chi thực hiện Chương trình mục tiêu Y tế Dân số năm 2018,
- Quyết định 1333/QĐ-BYT ngày 12/02/2018 về việc phân bổ kinh phí và giao nội dung, dự toán chi sự nghiệp khoa học và công nghệ năm 2018,
- Quyết định 2791/QĐ-BYT ngày 08/5/2018 về việc điều chỉnh dự toán chi Chương trình mục tiêu Y tế dân số kinh phí năm 2017 chuyển sang năm 2018,
- Quyết định 2906/QĐ-BYT ngày 14/5/2018 về việc điều chỉnh dự toán cho các đơn vị phê duyệt kế hoạch hoạt động của Chương trình hỗ trợ ngân sách ngành y tế do EU viện trợ năm 2018,
- Quyết định 5544/QĐ-BYT ngày 11/09/2018 về việc điều chỉnh kế hoạch và dự toán chi tiết một số hoạt động được giao từ nguồn NSNN năm 2018,
- Quyết định 6458/QĐ-BYT ngày 25/10/2018 về việc điều chỉnh và giao bổ sung dự toán giao chi ngân sách nhà nước năm 2018 Chương trình sức khỏe Việt Nam,
- Quyết định số 6768/QĐ-BYT ngày 08/11/2018 V/V phê duyệt điều chỉnh kế hoạch hoạt động bằng nguồn ngân sách nhà nước năm 2018 của Dự án 3-Dân số và Phát triển (hoạt động cải thiện tình trạng DDTE) thuộc Chương trình mục tiêu Y tế- Dân số,
- QĐ số 7671/QĐ-BYT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ Y tế về việc phê duyệt Kế hoạch bổ sung và dự toán chi tiết một số hoạt động được giao từ nguồn kết dư NSNN năm của Viện Dinh dưỡng,
- QĐ số 415/QĐ-VDD ngày 16 tháng 04 năm 2018 của Bộ Y tế về việc phê duyệt kế hoạch hoạt động chi tiết dự án Chăm sóc sức khỏe sinh sản và cải thiện tình trạng dinh dưỡng trẻ em thuộc Chương trình mục tiêu Y tế - Dân số năm 2018,
- QĐ số 2120/QĐ-VDD ngày 12 tháng 11 năm 2018 của Bộ Y tế về việc phê duyệt chi tiết ban Điều chỉnh kế hoạch hoạt động bằng nguồn ngân sách nhà nước năm 2018 của Dự án Cải thiện tình trạng dinh dưỡng trẻ em,
- BC tài chính năm 2018,
- Quyết định số 96/QĐ-VDD ngày 26/01/2018 về việc ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ năm 2018,
- Quyết định 725/QĐ-VDD ngày 13/06/2018 quy định giá thu hoạt động dịch vụ.

Năm 2019:

- Quyết định 7788/QĐ-BYT ngày 28/12/2018 về việc giao dự toán thu, chi ngân sách năm 2019,
- Quyết định 7878/QĐ-BYT ngày 28/12/2018 về việc giao dự toán chi thực hiện Chương trình mục tiêu Y tế dân số năm 2019,

- Quyết định 2690/QĐ-BYT ngày 27/6/2019 về việc điều chỉnh và giao dự toán chi Chương trình sức khỏe Việt Nam năm 2019,
- Quyết định 4575/QĐ-BYT ngày 04/10/2019 về việc điều chỉnh dự toán cho các đơn vị phê duyệt kế hoạch hoạt động của Chương trình hỗ trợ ngân sách ngành y tế do EU viện trợ,
- Quyết định 5994/QĐ-BYT ngày 26/12/2019 về việc điều chỉnh kế hoạch và dự toán chi tiết một số hoạt động được giao từ nguồn NSNN năm 2019,
- Quyết định số 5414/QĐ-BYT ngày 15/11/2019 V/V phê duyệt điều chỉnh kế hoạch hoạt động bằng nguồn ngân sách nhà nước năm 2019 của Dự án 3-Dân số và Phát triển (Phòng chống SDDTE) thuộc Chương trình mục tiêu Y tế- Dân số,
- QĐ số 2963/QĐ-BYT ngày 09 tháng 7 năm 2019 của Bộ Y tế về việc phê duyệt Kế hoạch và dự toán chi tiết một số hoạt động được giao từ nguồn NSNN năm 2019 của Viện Dinh dưỡng,
- QĐ số 614/QĐ-VDD ngày 20 tháng 5 năm 2019 của Bộ Y tế về việc phê duyệt kế hoạch hoạt động chi tiết dự án Cải thiện tình trạng dinh dưỡng trẻ em năm 2019 - nguồn ngân sách TW do Viện Dinh dưỡng thực hiện,
- BC tài chính năm 2019,
- Quyết định số 51/QĐ-VDD ngày 15/01/2019 về việc ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ năm 2019,
- Quyết định số 473/QĐ-VDD ngày 12/04/2019 về việc ban hành Quy chế quản lý và sử dụng tài sản công năm 2019.

Năm 2020:

- Quyết định 6099/QĐ-BYT ngày 30/12/2019 về việc giao dự toán thu, chi ngân sách năm 2020,
- Quyết định 6125/QĐ-BYT ngày 31/12/2019 về việc giao dự toán chi thực hiện Chương trình mục tiêu Y tế dân số năm 2020,
- Quyết định 2208/QĐ-BYT ngày 28/5/2020 về việc điều chỉnh dự toán và giao nội dung, dự toán chi Chương trình sức khỏe Việt Nam năm 2020 của Bộ Y tế,
- Quyết định 3228/QĐ-BYT ngày 22/07/2020 về việc điều chỉnh giao dự toán thu, chi ngân sách năm 2020,
- Quyết định 4677/QĐ-BYT ngày 10/11/2020 về việc điều chỉnh giao dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2020 (đợt 3),
- Quyết định số 4388/QĐ-BYT ngày 22/10/2020 về việc phê duyệt điều chỉnh kế hoạch hoạt động bằng nguồn ngân sách nhà nước năm 2020 của Dự án 3-Dân số và Phát triển (Phòng chống SDDTE) thuộc Chương trình mục tiêu Y tế- Dân số,

- QĐ số 3570/QĐ-BYT ngày 15 tháng 8 năm 2020 của Bộ Y tế về việc phê duyệt nội dung nhiệm vụ kiểm nghiệm an toàn thực phẩm và Chiến lược Quốc gia về dinh dưỡng năm 2020 của Viện Dinh dưỡng,

- QĐ số 5322/QĐ-BYT ngày 22 tháng 12 năm 2020 của Bộ Y tế về việc bổ sung nhiệm vụ thực hiện Chiến lược Quốc gia về dinh dưỡng từ nguồn kết dư NSNN năm 2020 của Viện Dinh dưỡng,

- QĐ số 268/QĐ-VDD ngày 03 tháng 03 năm 2020 của Bộ Y tế về việc phê duyệt kế hoạch hoạt động chi tiết dự án Cải thiện tình trạng dinh dưỡng trẻ em năm 2020 - nguồn ngân sách TW do Viện Dinh dưỡng thực hiện,

- BC tài chính năm 2020,

- Quyết định số 37/QĐ-VDD ngày 06/01/2020 về việc ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ năm 2020,

- Quyết định 245/QĐ-VDD ngày 28/02/2020 quy định giá thu hoạt động dịch vụ khám tư vấn dinh dưỡng.

2. Công tác lập dự toán:

Viện đã tiến hành việc lập và báo cáo công tác thực hiện kế hoạch hoạt động, dự toán hằng năm:

- BC số 421/BC-VDD ngày 06 tháng 08 năm 2018 về việc đánh giá công tác thực hiện kế hoạch hoạt động, dự toán năm 2018 và xây dựng kế hoạch hoạt động, dự toán ngân sách năm 2019, kế hoạch trung hạn 03 năm 2019 - 2021.

- BC số 584/BC-VDD ngày 09 tháng 08 năm 2019 về việc đánh giá công tác thực hiện kế hoạch hoạt động, dự toán năm 2019 và xây dựng kế hoạch hoạt động, dự toán ngân sách năm 2020, kế hoạch trung hạn 03 năm 2020 – 2022.

- BC số 363/BC-VDD ngày 14 tháng 08 năm 2020 về việc đánh giá công tác thực hiện kế hoạch hoạt động, dự toán năm 2020 và xây dựng kế hoạch hoạt động, dự toán ngân sách năm 2021, kế hoạch trung hạn 03 năm 2021 - 2023.

II. Hoạt động quản lý và sử dụng các khoản kinh phí ngân sách nhà nước cấp, các khoản thu, chi hoạt động của đơn vị.

1. Về Quy chế chi tiêu nội bộ:

Các năm 2018-2020, Viện đã ban hành các quyết định số 96/QĐ-VDD ngày 26/01/2018, số 51/QĐ-VDD ngày 15/01/2019 và số 37/QĐ-VDD ngày 06/01/2021 về Quy chế chi tiêu nội bộ, quy định các định mức thu, chi của đơn vị, về cơ bản đều tuân theo quy định hiện hành, có một số định mức chi riêng do đơn vị tự quyết định, tùy theo điều kiện cụ thể. Tuy nhiên, đơn vị cần rút kinh nghiệm và bổ sung, cập nhật hoàn chỉnh, cụ thể:

Quy chế chi tiêu nội bộ của 3 năm 2018-2020, tại Điều 9, Khoản 1 Chi phụ cấp chức vụ lãnh đạo, đơn vị đã áp dụng Thông tư 02/2005/TT-BNV ngày 05 tháng 01 năm

2005 và Điểm c2 đã được sửa đổi bởi Khoản 1 Mục II Thông tư số 83/2005/TT-BNV cho mục chi “Các trường hợp thôi giữ chức danh lãnh đạo do được kéo dài thời gian công tác khi đến độ tuổi nghỉ hưu hoặc thôi chức danh lãnh đạo đề nghị hưu theo thông báo của cơ quan có thẩm quyền thì được giữ nguyên phụ cấp chức vụ lãnh đạo hiện hưởng”. Tuy nhiên, 2 Thông tư này đã hết hiệu lực và được thay thế bởi Thông tư số 08/2013/TT-BNV ngày 31/7/2013 về hướng dẫn chế độ nâng lương trước thời hạn đối với cán bộ công chức, viên chức và người lao động mà đơn vị chưa kịp thời cập nhật.

2. Về hệ thống sổ kế toán, chứng từ tài chính:

Đoàn thanh tra không thực hiện kiểm tra chất lượng công việc hoàn thành, không đối chiếu công nợ của đơn vị với các đơn vị bên ngoài, chỉ thực hiện kiểm tra sổ kế toán, kiểm tra xác suất một số chứng từ kế toán (năm 2018-2020). Lãnh đạo đơn vị chịu trách nhiệm về tính chính xác, tính trung thực, đúng đắn và pháp lý của chứng từ kế toán và số liệu trong báo cáo tài chính theo quy định.

2.1. Hệ thống sổ kế toán:

- Về hệ thống sổ kế toán và báo cáo tài chính: Đơn vị đã mở hệ thống sổ kế toán theo dõi thu, chi tài chính quy định của chế độ Kế toán Hành chính sự nghiệp, có sổ theo dõi chi tiết theo từng nguồn kinh phí, Báo cáo tài chính đầy đủ mẫu biểu theo quy định tại Thông tư 107/2017/TT-BTC ngày 24/11/2017 của Bộ Tài chính về hướng dẫn chế độ kế toán hành chính, sự nghiệp.

- Đơn vị đã thực hiện việc thu, chi tài chính theo quy định tại Thông tư 40/2017/TT-BTC và Quy chế chi tiêu nội bộ của đơn vị.

2.2. Chứng từ thu, chi tài chính:

Kiểm tra ngẫu nhiên một số chứng từ, kế toán tháng 1, 7, 12 của các năm 2018, 2019 và 2020, và chứng từ thu tháng 1,2,3/2020, một số chứng từ chi tháng 1,2,3,12/2020; Đoàn có nhận xét:

Ưu điểm:

- Đơn vị đã thực hiện việc thu, chi tài chính theo quy định tại Thông tư 40/2017/TT-BTC và Quy chế chi tiêu nội bộ của đơn vị và các văn bản pháp luật liên quan.

- Dự toán thu, chi ngân sách hằng năm, Viện đã trình Bộ Y tế thẩm định và phê duyệt giao để đảm bảo thực hiện nhiệm vụ, chương trình mục tiêu và quản lý chi ngân sách theo quy định.

- Viện đã thực hiện hạch toán theo Quy định tại Thông tư 107/2017/TT-BTC ngày 10/10/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán hành chính sự nghiệp, chấp hành theo đúng quy định của Luật ngân sách, Luật kế toán và các văn bản hướng dẫn.

- Về cơ bản chứng từ kế toán, sổ kế toán được ghi kịp thời, rõ ràng, đầy đủ theo nội dung của sổ, thông tin, số liệu ghi sổ kế toán chính xác, trung thực, đúng với chứng

từ kế toán; Việc mở sổ, ghi sổ, khóa sổ, lưu sổ kế toán theo quy định của Luật Kế toán và các văn bản hướng dẫn.

Hạn chế, tồn tại:

Kế hoạch dự toán, thu chi hằng năm có một vài nội dung chưa sát với nội dung giao dự toán thu, chi của Bộ Y tế.

2.3. Kết quả hoạt động thu, chi tài chính:

Kết quả thu, chi hoạt động năm từ 01/01/2018 đến 31/12/2020, Đoàn thanh tra ghi nhận báo cáo của đơn vị, Thủ trưởng đơn vị chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của thông tin đơn vị cung cấp:

2.3.1. Hoạt động thu tài chính: *Phụ lục 1 kèm theo*

2.3.2. Hoạt động chi tài chính: *Phụ lục 2 kèm theo*

2.4. Trích lập các quỹ: *Phụ lục 3 kèm theo*

2.5. Việc chấp hành nghĩa vụ với ngân sách (các năm thuộc thời kỳ thanh tra):

Tổng số thuế Viện đã nộp ngân sách Nhà nước từ năm 2018 đến năm 2020 cụ thể như sau: *Phụ lục 4 kèm theo.*

2.6. Việc thực hiện chính sách BHXH, BHYT, BHTN:

Tổng số BHXH, BHYT, BHTN Viện đã đóng cụ thể như sau: *Phụ lục 5 kèm theo*

2.7. Hoạt động liên doanh liên kết:

Theo báo cáo Viện có hoạt động liên doanh liên kết về tiêu thụ sản phẩm dinh dưỡng, dược phẩm và các ấn phẩm dinh dưỡng; Các hoạt động này đã được lập Đề án trình Bộ Y tế phê duyệt.

3. Công tác đấu thầu:

- Năm 2018 Viện tổ chức đấu thầu mua sắm 05 gói thầu; Trong đó: 03 gói thầu mua trang thiết bị và 02 gói thầu mua hóa chất, dụng cụ, vật tư tiêu hao với tổng giá trị kế hoạch được Bộ Y tế phê duyệt là 18.889.000.000đ ; giá trị trúng thầu là 18.581.000.000đ.

- Năm 2019 Viện tổ chức đấu thầu mua sắm 14 gói thầu; Trong đó: 07 gói thầu trang thiết bị và 07 gói thầu mua hóa chất, dụng cụ, vật tư tiêu hao với tổng giá trị KH mua sắm là 21.557.000.000đ; Giá trị trúng thầu là 21.422.000.000đ.

- Năm 2020 Viện tổ chức đấu thầu mua sắm 10 gói thầu; Trong đó: 02 gói thầu trang thiết bị và 08 gói thầu mua hóa chất, dụng cụ, vật tư tiêu hao với tổng giá trị KH mua sắm là 24.409.000.000đ; Giá trị trúng thầu là 23.977.000.000đ.

Chủ đầu tư chịu trách nhiệm về kết quả đấu thầu, về sự tuân thủ pháp luật, tính đúng đắn, khách quan trung thực toàn bộ hồ sơ tài liệu, quá trình đấu thầu và kết quả các gói thầu đã thực hiện.

Đoàn thanh tra yêu cầu đơn vị cung cấp (ngẫu nhiên) hồ sơ tài liệu một số gói thầu để kiểm tra trình tự thủ tục đấu thầu (không xem xét đánh giá hồ sơ dự thầu); Cụ thể:

- **Năm 2018:** Đơn vị cung cấp hồ sơ tài liệu của gói thầu số 2 - Cung cấp trang thiết bị phòng thí nghiệm hóa dược phẩm hóa sinh; Phê duyệt của Bộ Y tế tại QĐ số 6183/QĐ-BYT ngày 15/10/2018; Đấu thầu rộng rãi; Giá trúng thầu của gói thầu là: 7.260.000.000đ.

- **Năm 2019:** Đơn vị cung cấp hồ sơ tài liệu của gói thầu số 1- Cung cấp thiết bị xét nghiệm hóa thực phẩm; Phê duyệt của Bộ Y tế tại QĐ số 5540/QĐ-BYT ngày 25/11/2019; Đấu thầu rộng rãi qua mạng; Giá trúng thầu của gói thầu là: 3.688.000.000đ.

- **Năm 2020:** Đơn vị cung cấp hồ sơ tài liệu của 02 gói thầu:

+ Gói thầu số 1- Cung cấp hóa chất và vật tư tiêu hao thuộc lĩnh vực hóa học; Phê duyệt của Bộ Y tế tại QĐ số 1013/QĐ-BYT ngày 15/7/2020; Hình thức đấu thầu: Chào hàng cạnh tranh; Giá trúng thầu của gói thầu là: 1.193.963.000đ.

+ Gói thầu số 2 - Cung cấp thiết bị xét nghiệm vi sinh và sinh học phân tử; Phê duyệt của Bộ Y tế tại QĐ số 5142/QĐ-BYT ngày 09/12/2020; Đấu thầu rộng rãi qua mạng; Giá trúng thầu của gói thầu là: 3.121.500.000đ; (Nhà thầu cung cấp đã chậm tiến độ 02 tháng).

Nhận xét:

Qua kiểm tra hồ sơ tài liệu 05 gói thầu mua sắm trang thiết bị, hóa chất, vật tư tiêu hao do đơn vị cung cấp, Đoàn thanh tra nhận xét về trình tự thủ tục đấu thầu của Viện như sau:

Ưu điểm:

- Viện có Hội đồng khoa học để thực hiện công tác chuẩn bị, dự trù, xem xét nhu cầu để xây dựng kế hoạch đấu thầu mua sắm rõ ràng, chi tiết về danh mục, chủng loại, số lượng, tiêu chí kỹ thuật của danh mục mua sắm trình xin phê duyệt của Bộ Y tế làm căn cứ triển khai công tác đấu thầu, lựa chọn nhà thầu cung cấp thuốc, vật tư y tế tiêu hao.

- Công tác đấu thầu các gói thầu được thực hiện theo kế hoạch Bộ Y tế đã phê duyệt; Nghiêm chỉnh thực hiện theo phương thức đấu thầu, hình thức lựa chọn nhà thầu, loại hợp đồng, thời gian thực hiện hợp đồng và giá trị hợp đồng theo Kế hoạch đã phê duyệt.

- Viện đã thực hiện các bước trong quy trình tổ chức thực hiện đấu thầu theo quy định của Luật đấu thầu và các văn bản quy phạm pháp luật liên quan; Phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu, ban hành quyết định thành lập tổ chuyên gia, tổ thẩm định; xây

dựng hồ sơ mời thầu; tổ chức mời thầu, đăng thông tin mời thầu trên báo đấu thầu, đóng thầu, mở thầu, đánh giá hồ sơ dự thầu... Thành viên Tổ chuyên gia, Tổ thẩm định có đủ chứng chỉ đấu thầu theo quy định. Kết quả đáp ứng yêu cầu, tiêu chí mời thầu; Các nhà thầu trúng thầu được Bên mời thầu đánh giá là đủ năng lực, kinh nghiệm và đã được ký hợp đồng kinh tế để triển khai thực hiện việc cung cấp theo kế hoạch; Kết quả đấu thầu được thông báo đến các nhà thầu tham dự thầu theo quy định.

- Hồ sơ đấu thầu lựa chọn nhà thầu đã được đơn vị thực hiện lưu trữ, quản lý theo quy định.

Hạn chế, tồn tại:

- Trong quá trình thực hiện hợp đồng cung ứng có nhà thầu cung cấp hàng hóa còn chậm so với tiến độ cam kết (Gói thầu số 2 - Cung cấp thiết bị xét nghiệm vi sinh và sinh học phân tử năm 2020).

- Hồ sơ, tài liệu đấu thầu các gói thầu tại đơn vị sắp xếp chưa khoa học, tài liệu lưu trữ còn để phân tán tại các bộ phận, có tình trạng còn thiếu hoặc trùng lặp. Một số ít văn bản còn có lỗi đánh máy, lỗi chính tả.

- Một số hạn chế nhỏ khác đã được Đoàn thanh tra góp ý trực tiếp để đơn vị hoàn thiện, bổ sung đầy đủ theo quy định.

4. Công tác xây dựng cơ bản, mua sắm nhỏ, bảo dưỡng, thay thế:

4.1. Công tác xây dựng cơ bản, sửa chữa nhà cửa:

Theo báo cáo của đơn vị, thời gian qua Viện được Bộ Y tế phê duyệt đầu tư xây dựng 02 dự án xây dựng cơ bản, sửa chữa nhà cửa, đều được Bộ Y tế phê duyệt năm 2018, gồm:

- Dự án Cải tạo, bổ sung các hạng mục phụ trợ nhà A,B,C: Phạm vi dự án được Bộ Y tế phê duyệt tại QĐ số 6701/QĐ-BYT ngày 05/11/2018, gồm: 05 gói thầu tư vấn và 01 gói thầu xây lắp. Giá trúng thầu gói thầu xây lắp là: 2.820.500.000đ. Dự án đã hoàn thành, bàn giao đưa vào sử dụng.

- Dự án Cải tạo hệ thống xử lý nước thải, khí thải: Phạm vi dự án được Bộ Y tế phê duyệt tại QĐ số 4934/QĐ-BYT ngày 22/10/2018, gồm: 06 gói thầu tư vấn và 01 gói thầu xây lắp. Giá trúng thầu gói thầu xây lắp là: 11.395.168.000đ. Giá trị quyết toán được Bộ Y tế phê duyệt là 11.977.630.000đ. Dự án đã hoàn thành, bàn giao đưa vào sử dụng.

Thời điểm thanh tra, các hạng mục xây dựng đã được hoàn thành, thanh toán, giải ngân và kết thúc dự án, bàn giao đưa vào sử dụng từ năm 2019; Do đó Đoàn thanh tra không tiến hành kiểm tra; Đoàn thanh tra ghi nhận thông tin do đơn vị cung cấp về công tác xây dựng, sửa chữa, cải tạo cơ sở vật chất của Viện trong thời kỳ thanh tra (01/01/2018 – 31/12/2020). Đơn vị chịu trách nhiệm về nội dung, tính đúng đắn, chính xác, trung thực của thông tin về tình hình dự án đầu tư xây dựng, nâng cấp, cải tạo, sửa chữa tại Viện thuộc thời kỳ thanh tra.

4.2. Công tác mua sắm nhỏ, bảo dưỡng, thay thế:

Về công tác mua sắm nhỏ, bảo dưỡng, thay thế tại đơn vị thực hiện theo quy định và hướng dẫn tại Nghị định 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ về việc quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đấu thầu về lựa chọn nhà thầu và quy định tại Thông tư 58/2016/TT-BTC ngày 29/3/2016 của Bộ Tài chính.

Đoàn thanh tra tiến hành kiểm tra ngẫu nhiên một số khoản/danh mục mua sắm nhỏ, bảo dưỡng, thay thế bằng nguồn vốn thường xuyên:

Năm 2018: 10 khoản/danh mục mua sắm; Năm 2019: 10 khoản/danh mục mua sắm; Năm 2020: 11 khoản/danh mục mua sắm; Căn cứ vào hồ sơ, tài liệu được đơn vị cung cấp phần sửa chữa nhỏ, bảo dưỡng thiết bị; mua sắm nhỏ, sửa chữa thay thế phụ tùng...Đoàn thanh tra nhận xét:

Ưu điểm:

- Đơn vị đã tích cực triển khai thực hiện công tác sửa chữa nhỏ, bảo dưỡng, mua sắm nhỏ, sửa chữa thay thế phụ tùng thiết bị y tế để kịp thời đảm bảo hoạt động của thiết bị y tế, phục công tác chuyên môn của Viện.

- Đơn vị đã lựa chọn nhà thầu để thực hiện việc sửa chữa nhỏ, bảo dưỡng mua sắm nhỏ, sửa chữa thay thế phụ tùng thiết bị y tế theo hình thức chỉ định thầu rút gọn hoặc chào hàng cạnh tranh rút gọn; Về trình tự, thủ tục, đơn vị đã tuân thủ quy định của Luật Đấu thầu và các văn bản liên quan về đấu thầu, lựa chọn nhà thầu.

- Hình thức lựa chọn nhà thầu tuân theo quyết định phê duyệt của Chủ đầu tư-Viện trưởng; Kết quả lựa chọn theo đánh giá của Bên mời thầu là phù hợp, chọn được nhà thầu thực hiện công việc đáp ứng yêu cầu đề ra, phát huy hiệu quả sử dụng kinh phí của đơn vị.

Hạn chế, tồn tại:

- Hầu hết các khoản mua sắm nhỏ, bảo dưỡng, sửa chữa nhỏ, thay thế phụ tùng thiết bị y tế...Đơn vị đều lựa chọn nhà thầu theo hình thức chỉ định thầu rút gọn hoặc chào hàng cạnh tranh rút gọn.

- Hồ sơ, tài liệu sắp xếp chưa khoa học, tài liệu lưu trữ còn phân tán tại một số bộ phận như phòng Vật tư quản trị, phòng Tài chính kế toán, có tình trạng còn thiếu hoặc trùng lặp. Một số hợp đồng còn thiếu nội dung thương thảo chi tiết.

- Một số hạn chế khác đã được Đoàn thanh tra góp ý trực tiếp để đơn vị hoàn thiện, bổ sung đầy đủ theo quy định.

5. Công tác quản lý sử dụng đất đai, tài sản, công sản:

Theo báo cáo của đơn vị, Thời kỳ thanh tra Viện có 02 cơ sở: Cơ sở làm trụ sở chính tại 48B Tầng Bạt Hồ, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội và cơ sở được Bộ Y tế giao quản lý tại số 13 Phan Huy Chú, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội (do Viện Kiểm nghiệm An toàn Vệ sinh thực phẩm có cơ sở mới tại quận Cầu Giấy chuyển giao). Đơn vị đã thực hiện việc quản lý đất đai, khuôn viên theo quy định của pháp luật về đất đai, công sở. Theo thông tin của Viện, cơ sở 13 Phan Huy Chú, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội đang

được Viện hoàn tất thủ tục để chuyển trả Bộ Y tế bàn giao Thành phố Hà Nội trong Quý II/2021 (Đã bàn giao ngày 29/4/2021)

Viện đã thiết lập hệ thống sổ sách để thực hiện việc quản lý tài sản, công sản chi tiết, cụ thể, chặt chẽ. Hằng năm tổ chức kiểm kê, đánh giá tài sản, công sản theo quy định. Viện rất quan tâm việc quản lý, sử dụng tài sản, công sản, thiết bị y tế tại các khoa phòng, thông qua biên bản bàn giao, sổ theo dõi, quản lý, ghi chép theo quy định.

Theo báo cáo của đơn vị, về cơ sở vật chất còn khó khăn, chưa đáp ứng diện tích làm việc, đặc biệt là diện tích phụ trợ phục vụ hoạt động chuyên môn của Viện. Qua kiểm tra, Đoàn thanh tra thấy đơn vị chưa có hệ thống kho để đảm bảo việc quản lý hóa chất, sinh phẩm phục vụ hoạt động chuyên môn cho một số khoa/trung tâm hóa sinh, y sinh và các labo xét nghiệm, kiểm nghiệm thuộc Viện. Lãnh đạo Viện đã nhận thấy tồn tại và tiếp thu để khắc phục trong thời gian tới.

6. Dịch vụ:

Ghi nhận báo cáo của Viện thời kỳ thanh tra hoạt động sản xuất, dịch vụ của Viện Dinh dưỡng gồm: khám tư vấn dinh dưỡng, dịch vụ xét nghiệm, kiểm nghiệm, đào tạo, sản xuất và kinh doanh các sản phẩm dinh dưỡng. Việc phát triển dịch vụ dựa trên cơ sở chuyên môn kỹ thuật, hỗ trợ thực hiện nhiệm vụ chính trị của Viện với yêu cầu đảm bảo chất lượng dịch vụ, chất lượng sản phẩm. Doanh thu từ các hoạt động dịch vụ mỗi năm trên 40 tỷ đồng. Hoạt động dịch vụ của Viện được thực hiện trên cơ sở kế hoạch của Bộ Y tế giao hàng năm; thực hiện thu chi theo quy định tại quy chế chi tiêu nội bộ, các văn bản của Nhà nước và đơn vị; hạch toán kế toán theo quy định tại Thông tư 107/2017/TT-BTC ngày 10/10/2017 của Bộ Tài chính về Chế độ kế toán HCSN; Nghị định 43/NĐ-CP ngày 25/4/2006 của Chính phủ quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế và tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập; Nghị định 16/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công; Nghị định 85/2012/NĐ-CP ngày 15/10/2012 của Chính phủ về cơ chế hoạt động, cơ chế tài chính đối với các đơn vị sự nghiệp y tế công lập và giá dịch vụ khám bệnh chữa bệnh của các cơ sở khám bệnh chữa bệnh công lập.

C. CÔNG TÁC ĐÀO TẠO:

I. Công tác đào tạo:

1 - Công tác tuyển sinh:

1.1 - Xác định chỉ tiêu

a) Đội ngũ Giảng viên

Giảng viên cơ hữu: Gồm các giảng viên có trình độ Giáo sư, Phó Giáo sư, Tiến sĩ đáp ứng chuyên môn phù hợp đáp ứng công tác đào tạo của viện gồm:

Năm	Đội ngũ giảng viên cơ hữu									Ghi chú
	GS	PGS	TS	ThS	ĐH	BSNT	CK1	CK2	Tổng	
2018	01	10	17						28	
2019	01	07	19						27	
2020	01	06	29						36	

b) Cơ sở vật chất

Viện bố trí 01 hội trường lớn hơn 200 chỗ ngồi và 02 phòng họp nhỏ hơn 50 người phục vụ cho mục đích giảng dạy.

c) Xác nhận các tiêu chí theo Thông tư số 06/2018/TT-BGDĐT đối với công tác tuyển sinh năm 2018; Thông tư số 01/2019/TT-BGDĐT đối với công tác tuyển sinh năm 2019 và Thông tư số 07/2020/TT-BGDĐT đối với công tác tuyển sinh năm 2020:

Việc xác định chỉ tiêu của nhà trường thực hiện theo đúng quy định, đáp ứng được các điều kiện và đảm bảo về năng lực đào tạo.

1.2 – Thực hiện tuyển sinh:

- Viện thực hiện xây dựng kế hoạch đào tạo hằng năm theo quy định. Cụ thể trong năm 2018 đến năm 2020, Viện đã xây dựng kế hoạch đào tạo như sau:

- + Kế hoạch đào tạo năm 2018 số 625/KH-VDD ngày 29/12/2017;
- + Kế hoạch đào tạo năm 2019 số 1147/KH-VDD ngày 28/12/2018;
- + Kế hoạch đào tạo năm 2020 số 1856/KH-VDD ngày 31/12/2019;

- Viện phát hành thông báo tuyển sinh công khai trên website của Viện, gửi thông báo rộng rãi cho 63 tỉnh thành thông qua hệ thống văn bản điện tử của Ngành hoặc gửi chuyên phát nhanh cho các Sở Y tế, Trung tâm Kiểm soát bệnh tật, Bệnh viện tỉnh của 63 tỉnh thành. Nhận đăng ký tham dự khóa học từ các cá nhân và các cơ quan có nhu cầu đào tạo về Dinh dưỡng cho các cán bộ đang công tác tại đơn vị sau khi phát hành thông báo.

- Đối với công tác đào tạo tiến sĩ:

- + Tổ chức tuyển sinh sau khi nhận được hồ sơ đầy đủ của học viên;
- + Thành lập hội đồng tuyển sinh, hội đồng chuyên môn, tiểu ban chuyên môn;
- + Tổ chức thi tuyển theo quy chế của Bộ giáo dục, quy chế của Viện Dinh dưỡng.

1.3 - Kết quả tuyển sinh

Công tác tuyển sinh hằng năm của Viện được thực hiện theo kế hoạch. Kết quả thực hiện công tác đào tạo trong thời kỳ thanh tra: *Phụ lục 6 kèm theo.*

2. Công tác đào tạo

2.1 - Về chương trình đào tạo:

Viện Dinh dưỡng được Bộ Giáo dục và Đào tạo giao làm cơ sở đào tạo trình độ tiến sĩ chuyên ngành dinh dưỡng cộng đồng từ năm 2005 tại Quyết định số 07/QĐ/BGD&ĐT-ĐH&SĐH ngày 17/01/2005.

Viện được Bộ Y tế giao nhiệm vụ đào tạo liên tục ngành y tế trong lĩnh vực dinh dưỡng cộng đồng, dinh dưỡng tiết chế, an toàn thực phẩm tại văn bản số 3335/BYT-K2ĐT ngày 28/5/2009.

2.2 - Thực hiện chương trình đào tạo:

- Đào tạo Tiến sĩ: Thực hiện triển khai đào tạo theo Quyết định số 585/QĐ-VDD, ngày 11/08/2011 về việc ban hành quy chế đào tạo tiến sĩ của Viện Dinh dưỡng.

- Đào tạo ngắn hạn: Thực hiện triển khai đào tạo theo Quyết định số 2358/QĐ-VDD, ngày 25/11/2019 về việc giao Trung tâm Đào tạo Dinh dưỡng và Thực phẩm phụ trách tổ chức đào tạo, quản lý, cấp phát văn bằng, chứng chỉ.

+ Đào tạo tại Viện: triển khai các chương trình, tài liệu đào tạo ngắn hạn 3 tháng, 6 tháng dựa trên Quyết định phê duyệt chương trình và tài liệu đào tạo liên tục về Dinh dưỡng của Viện Dinh dưỡng (Quyết định số 2761/QĐ-VDD, ngày 31/12/2019 và quyết định số 2762/QĐ-VDD, ngày 31/12/2019).

+ Phối hợp với doanh nghiệp/địa phương: chương trình, tài liệu đào tạo được triển khai dựa trên Quyết định phê duyệt chương trình và tài liệu đào tạo liên tục về Dinh dưỡng của Viện Dinh dưỡng (Quyết định số 903/QĐ-VDD, ngày 09/07/2019).

- Tổ chức thực hiện đào tạo/Liên kết đào tạo/Chương trình đào tạo...

+ Đào tạo tại Viện: Triển khai khóa học sau khi xác nhận học viên đủ điều kiện về học vấn, chuyên môn tham gia tập huấn từ danh sách đăng ký (từ 10 người trở lên). Triển khai theo Quyết định tổ chức tập huấn, đề cương, dự toán đã được phê duyệt.

+ Phối hợp với doanh nghiệp/địa phương: Triển khai tập huấn sau khi xác nhận đơn đặt hàng của doanh nghiệp/ địa phương. Triển khai theo Quyết định tổ chức tập huấn, đề cương, dự toán đã được phê duyệt.

2.3. Quy chuẩn đầu ra chương trình đào tạo:

+ Đào tạo ngắn hạn: Học viên được cấp chứng chỉ/chứng nhận hoàn thành khóa học nếu đảm bảo điều kiện hồ sơ và vượt qua kỳ thi cuối khóa với số điểm từ 5 điểm trở lên.

+ Đào tạo Tiến sĩ: Nghiên cứu sinh được đánh giá thông qua tại các Hội đồng chuyên môn, gồm: Hội đồng bảo vệ chuyên đề, Hội đồng bảo vệ cấp cơ sở, Hội đồng

bảo vệ cấp Viện. Căn cứ quyết định công nhận tiến sĩ và quyết định bảo vệ cấp viện sẽ gửi danh sách sang bộ giáo dục xin cấp bằng Tiến sĩ cho nghiên cứu sinh.

2.4. Công tác kiểm định chất lượng đào tạo

Học viên đảm bảo các điều kiện về học vấn, trình độ chuyên môn tham dự tập huấn/đào tạo. Và được lượng giá thông qua bài kiểm tra/bài thi đầu khóa và cuối khóa (khóa ngắn hạn) / bảo vệ các cấp (Tiến sĩ).

2.5. Quản lý, cấp phát văn bằng

- Trong năm học 2017-2018 và 2018-2019, Viện căn cứ theo Quyết định công nhận nghiên cứu sinh của các khóa học để mua phôi bằng và cấp phát văn bằng.

Năm 2019, thực hiện Thông tư 21/2019/TT-BGDĐT ngày 29/11/2019, Viện Dinh dưỡng có công văn số 673/VDD-TTĐT ngày 08/11/2019 về việc tự chủ in phôi bằng tiến sĩ, Viện Dinh dưỡng đã in 30 phôi bằng và đã sử dụng 01 phôi; Năm 2020, Viện có đăng ký in lại 30 phôi bằng và có công văn xin mẫu phôi số lượng phôi gửi về Cục quản lý chất lượng của Bộ giáo dục (số 675/VDD-TTĐT ngày 02 tháng 11 năm 2020), Cục Khoa học và Đào tạo – Bộ Y tế (công văn số 716 ngày 9/11/2020) , Phòng An ninh Y tế - Lao động Xã hội, Công an thành phố Hà Nội (676/VDD-TTĐT ngày 02/11/2020). Đã sử dụng 04 phôi bằng.

+ Viện thực hiện việc báo cáo thông tin về quản lý, sử dụng văn bằng chứng chỉ đến Bộ Giáo dục-Đào tạo; Bộ Y tế theo quy định của pháp luật;

+ Thực hiện việc phối hợp với cơ quan công an tại địa phương để phòng, chống phôi bằng giả trong đào tạo tiến sĩ;

+ Việc hủy phôi văn bằng được thực hiện theo quy định của pháp luật.

3. Nhận xét

Ưu điểm:

- Viện đã tổ chức đào tạo theo quy định của pháp luật; Cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ cho giảng dạy và học tập đáp ứng được yêu cầu cho việc dạy và học.

- Viện đã ban hành quy chế về quản lý văn bằng, chứng chỉ; Thực hiện việc sắp xếp mã số chứng chỉ, chứng nhận giúp thuận tiện cho việc quản lý, phân loại trình độ học viên.

- Việc lưu trữ hồ sơ của học viên được thực hiện khoa học, đầy đủ.

Tồn tại, hạn chế:

- Việc điều chỉnh kế hoạch đào tạo của năm được phê duyệt tại thời điểm cuối năm thực hiện (năm 2019, năm 2020) là chưa hợp lý.

- Đối với công tác thực hiện tự chủ trong việc in và quản lý phôi bằng:

Đơn vị cần hoàn thiện quy chế về quy trình in, bảo quản, bảo mật, sử dụng, cấp phát phôi văn bằng, chứng chỉ, trong đó quy định rõ trách nhiệm của từng đơn vị, cá

nhân và chế tài xử lý khi để xảy ra vi phạm (theo Điểm a Khoản 2 Điều 12 Thông tư 21/2019/TT-BGDĐT);

Đơn vị cần hoàn thiện quy định thực hiện việc phối hợp với Công an địa phương nơi cơ sở giáo dục đóng trụ sở chính trong việc in, bảo mật, quản lý, sử dụng phôi văn bằng, chứng chỉ (theo Điểm c Khoản 2 Điều 12 Thông tư 21/2019/TT-BGDĐT); Hoàn thiện quy định về việc tổ chức kiểm tra, thanh tra việc in, bảo quản, cấp phát và sử dụng phôi văn bằng, chứng chỉ (theo Điểm e Khoản 2 Điều 12 Thông tư 21/2019/TT-BGDĐT).

D. CÔNG TÁC TIẾP CÔNG DÂN, XỬ LÝ, GIẢI QUYẾT ĐƠN THƯ:

Công tác Tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo; tiếp nhận ý kiến phản ánh của người dân qua đường dây nóng

1. Việc thực hiện các quy định của pháp luật về tiếp công dân

- Viện Dinh dưỡng Quốc gia đã ban hành Quy chế tiếp công dân số 2192/QĐ-VDD ngày 27/12/2016.

- Bố trí phòng tiếp công dân riêng tại tầng 3, thực hiện niêm yết nội quy và lịch tiếp công dân; bảo đảm cơ sở vật chất phục vụ việc tiếp công; mở sổ ghi chép theo quy định.

2. Việc thực hiện các quy định của pháp luật về giải quyết khiếu nại, tố cáo;

Theo báo cáo của đơn vị, trong thời kì thanh tra, Đơn vị không nhận được đơn thư khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh của công dân.

3. Về việc thực hiện Chỉ thị số 09/CT-BYT ngày 22/11/2013 của Bộ Y tế

- Viện Dinh dưỡng Quốc gia đã ban hành thông báo số 2485/TB-VDD ngày 31/12/2020 công khai số điện thoại đường dây nóng của Viện gồm các số điện thoại: *Bộ Y tế- 19009095; Văn thư- 0243.9717090; Phòng Tổ chức – Hành chính: Số điện thoại cố định- 0243.8211713; Số điện thoại di động- 0906.080.399; Ban Thanh tra nhân dân- 0912.187.523* và được niêm yết công khai tại các địa điểm thường xuyên tiếp đón bệnh nhân tại Viện.

- Viện thực hiện đặt các hòm thư góp ý tại các vị trí dễ thấy theo Thông tư số 25/2015/TT-BYT ngày 01 tháng 10 năm 2015 Thông tư quy định về hòm thư góp ý tại các cơ sở y tế; VP Đảng ủy định kỳ mở hòm thư góp ý (2 lần/tuần).

Theo báo cáo của đơn vị, trong thời kì thanh tra, Đơn vị không nhận được cuộc gọi phản ánh của công dân.

4. Việc thực hiện Chỉ thị số 35/CT-TW ngày 26/5/2014 của Bộ Chính trị

- Đảng ủy Viện Dinh dưỡng Quốc gia đã phân công 09 đồng chí trong Cấp ủy luân phiên trực tiếp công dân vào các ngày Thứ Ba và Thứ Năm hằng tuần.

- Đảng ủy, Lãnh đạo Viện đã quán triệt và thực hiện các quy định pháp luật về công tác tiếp công dân, giải quyết đơn khiếu nại, tố cáo tại các buổi giao ban.

5. Nhận xét:

Ưu điểm:

- Cấp ủy và Lãnh đạo Viện Dinh dưỡng đã quan tâm thực hiện quy định của pháp luật, Chỉ đạo, hướng dẫn của Bộ Y tế về công tác tiếp công dân; Giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo; Tiếp nhận thông tin, phản ánh của người dân qua đường dây nóng thuộc lĩnh vực y tế.

- Lãnh đạo Viện đã bố trí phòng tiếp công dân riêng biệt đảm bảo tốt về cơ sở vật chất, phân công cán bộ trực và mở sổ theo dõi.

Hạn chế, tồn tại:

- Viện bố trí phòng tiếp công dân tại tầng 3 tòa nhà của Viện là chưa thuận tiện, khó tìm kiếm (chưa phù hợp với quy định tại Điều 19 Luật Tiếp công dân số 42/2013/QH13); không có biển ghi “Nơi tiếp công dân”.

- Có sổ Tiếp công dân nhưng chưa ghi chép nội dung theo mẫu hướng dẫn trong sổ tiếp công dân; Chưa niêm yết Lịch tiếp công dân thường xuyên; Lịch tiếp công dân định kỳ của Lãnh đạo Viện.

- Viện chưa thực hiện việc báo cáo định kỳ về công tác Tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo định kỳ về Bộ Y tế (quy định tại Thông tư số 03/2013/TT-TTCT); Chưa thực hiện báo cáo định kỳ của đơn vị về xử lý tiếp nhận đường dây nóng qua phần mềm theo quy định (tại Quyết định số 1933/QĐ-BYT ngày 19/5/2016 của Bộ trưởng Bộ Y tế).

- Thời điểm thanh tra, Viện niêm yết nhiều số điện thoại đường dây nóng ngoài số điện thoại 1900-9095 (Quy định tại công văn số 8108/BYT-VPB1 ngày 26/10/2015 của Bộ trưởng Bộ Y tế).

III. Kết luận về những nội dung thanh tra:

1. Việc triển khai và thực hiện các quy định của pháp luật về phòng, chống tham nhũng:

Ưu điểm:

- Trong thời gian qua Ban Lãnh đạo Viện đã luôn quan tâm đến việc thực hiện các giải pháp Phòng ngừa tham nhũng, chống lãng phí không để xảy ra tại đơn vị và thực hiện công tác văn hóa công sở, cụ thể: Lãnh đạo phổ biến tuyên truyền Luật Phòng, Chống tham nhũng, xây dựng các giải pháp trọng tâm để phòng, chống tham nhũng, chống lãng phí cùng các văn bản liên quan đến quy tắc ứng xử, đạo đức nghề nghiệp thường xuyên chỉ đạo, quán triệt cho Đảng viên, công chức, viên chức gắn với học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh tiếp tục được quan tâm, dần tạo chuyển biến, nâng cao nhận thức, trách nhiệm của cán bộ, công chức, viên chức, người lao động để đưa Viện ngày càng phát triển.

- Đơn vị đã thành lập và kiện toàn Ban Chỉ đạo PCTN để triển khai thực hiện công tác Phòng chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí và tăng cường Quy chế dân chủ cơ sở; Xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện Phòng ngừa tham nhũng, chống lãng phí và quy chế dân chủ cơ sở, phân công nhiệm vụ cụ thể cho các thành viên của ban chỉ đạo để thực hiện.

- Cấp ủy và Lãnh đạo Viện tích cực, chủ động tuyên truyền, học tập, nhận thức pháp luật về PCTN; Thường xuyên phổ biến, quán triệt lòng ghép trong các buổi giao ban, hội nghị sơ kết, tổng kết và sinh hoạt chi bộ, đoàn thể. Mọi hoạt động của Viện đều được công khai, minh bạch theo quy định của Luật PCTN. Thời kỳ thanh tra đơn vị chưa phát hiện, chưa xảy ra các hành vi tiêu cực, tham nhũng trong đơn vị.

Tồn tại, hạn chế:

- Công tác tuyên truyền tập huấn văn bản pháp luật về Phòng chống tham nhũng của Bệnh viện chưa tổ chức theo lớp tập huấn tập trung chuyên đề riêng mà còn mang tính lồng ghép.

- Thành phần Ban chỉ đạo còn hạn chế, một số thành viên Ban chỉ đạo chưa phải là đại diện lãnh đạo, tổ chức chính trị tại đơn vị nên khó khăn trong chỉ đạo, hoạt động. Việc kê khai tài sản, thu nhập chủ yếu là dựa vào ý thức tự giác của người có nghĩa vụ kê khai, các bản kê khai chưa được hướng dẫn chu đáo dẫn đến có bản kê khai chưa đúng mẫu quy định, chưa logic giữa đất và nhà... Thiếu thông tin diễn biến tăng, giảm tài sản.

- Công tác tự kiểm tra còn hạn chế, việc kiểm tra chuyên đề Phòng, chống tham nhũng và thực hành tiết kiệm, chống lãng phí tại các khoa/phòng/trung tâm chưa được tổ chức thường xuyên; Thực hiện chế độ báo cáo chưa đầy đủ theo quy định.

2. Công tác Tài chính kế toán và quản lý sử dụng ngân sách:

Ưu điểm:

- Về hệ thống sổ kế toán và báo cáo tài chính: Đơn vị đã mở hệ thống sổ kế toán theo dõi thu, chi tài chính quy định của chế độ Kế toán Hành chính sự nghiệp, có sổ theo dõi chi tiết theo từng nguồn kinh phí, Báo cáo tài chính đầy đủ mẫu biểu theo quy định tại Thông tư 107/2017/TT-BTC ngày 24/11/2017 của Bộ Tài chính về hướng dẫn chế độ kế toán hành chính, sự nghiệp.

- Đơn vị đã thực hiện việc thu, chi tài chính theo quy định tại Thông tư 40/2017/TT-BTC và Quy chế chi tiêu nội bộ của đơn vị và các văn bản pháp luật liên quan.

- Dự toán thu, chi ngân sách hằng năm, Viện đã trình Bộ Y tế thẩm định và phê duyệt giao để đảm bảo thực hiện nhiệm vụ, chương trình mục tiêu và quản lý chi ngân sách theo quy định.

- Viện đã thực hiện hạch toán theo Quy định tại Thông tư 107/2017/TT-BTC ngày 10/10/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán hành chính sự nghiệp, chấp hành theo đúng quy định của Luật ngân sách, Luật kế toán và các văn bản hướng dẫn.

- Về cơ bản chứng từ kế toán, sổ kế toán được ghi kịp thời, rõ ràng, đầy đủ theo nội dung của sổ, thông tin, số liệu ghi sổ kế toán chính xác, trung thực, đúng với chứng từ kế toán; Việc mở sổ, ghi sổ, khóa sổ, lưu sổ kế toán theo quy định của Luật Kế toán và các văn bản hướng dẫn.

- Về trình tự thủ tục đấu thầu: Viện có Hội đồng khoa học để thực hiện công tác chuẩn bị, dự trù, xem xét nhu cầu để xây dựng kế hoạch đấu thầu mua sắm rõ ràng, chi tiết về danh mục, chủng loại, số lượng, tiêu chí kỹ thuật của danh mục mua sắm trình xin phê duyệt của Bộ Y tế làm căn cứ triển khai công tác đấu thầu, lựa chọn nhà thầu cung cấp thuốc, vật tư y tế tiêu hao.

Tuân thủ các quy định của Luật đấu thầu và các văn bản quy phạm pháp luật liên quan; Trình phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu và thực hiện công tác đấu thầu theo kế hoạch đã được Bộ Y tế phê duyệt; Ban hành quyết định thành lập tổ chuyên gia, tổ thẩm định; xây dựng hồ sơ mời thầu; tổ chức mời thầu, đăng thông tin mời thầu trên báo đấu thầu, đóng thầu, mở thầu, đánh giá hồ sơ dự thầu... Thành viên Tổ chuyên gia, Tổ thẩm định có đủ chứng chỉ đấu thầu theo quy định. Kết quả đáp ứng yêu cầu, tiêu chí mời thầu; Các nhà thầu trúng thầu được Bên mời thầu đánh giá là đủ năng lực, kinh nghiệm và đã được ký hợp đồng kinh tế để triển khai thực hiện việc cung cấp theo kế hoạch; Kết quả đấu thầu được thông báo đến các nhà thầu tham dự thầu theo quy định. Hồ sơ đấu thầu lựa chọn nhà thầu đã được đơn vị thực hiện lưu trữ, quản lý theo quy định.

- Việc mua sắm sửa chữa nhỏ, bảo dưỡng thiết bị, sửa chữa thay thế phụ tùng... Viện đã tích cực triển khai thực hiện để kịp thời đảm bảo hoạt động của thiết bị y tế, phục công tác chuyên môn của Viện. Đơn vị đã lựa chọn nhà thầu để thực hiện việc sửa chữa nhỏ, bảo dưỡng mua sắm nhỏ, sửa chữa thay thế phụ tùng thiết bị y tế theo hình thức chỉ định thầu rút gọn hoặc chào hàng cạnh tranh rút gọn; Tuân thủ quy định của Luật Đấu thầu và các văn bản liên quan về đấu thầu, lựa chọn nhà thầu.

Việc thực hiện lựa chọn nhà thầu tuân theo quyết định phê duyệt của Chủ đầu tư - Viện trưởng; Kết quả lựa chọn theo đánh giá của Bên mời thầu là phù hợp, chọn được nhà thầu, nhà cung cấp thực hiện công việc đáp ứng yêu cầu đề ra, phát huy hiệu quả sử dụng kinh phí của đơn vị.

Hạn chế, tồn tại:

Đơn vị cần rút kinh nghiệm trong việc lập kế hoạch dự toán, thu chi hằng năm cho sát với giao dự toán thu, chi của Bộ Y tế.

Về trình tự thủ tục đấu thầu còn có hạn chế, tồn tại; Hồ sơ, tài liệu đấu thầu một số gói thầu lưu giữ tại đơn vị sắp xếp chưa khoa học, tài liệu còn phân tán tại các bộ phận, có tình trạng thiếu hoặc thừa (trùng lặp). Một số ít văn bản còn có lỗi đánh máy, lỗi chính tả.

Đơn vị cần rút kinh nghiệm trong việc mua sắm sửa chữa nhỏ, bảo dưỡng thiết bị, sửa chữa thay thế phụ tùng: Hầu hết các khoản mua sắm đơn vị đã lựa chọn nhà cung cấp theo hình thức chỉ định thầu rút gọn hoặc chào hàng cạnh tranh rút gọn; Một số hợp đồng còn thiếu nội dung thương thảo chi tiết. Hồ sơ, tài liệu sắp xếp chưa khoa học, tài liệu lưu trữ còn phân tán tại một số bộ phận (phòng Vật tư quản trị, phòng Tài chính kế toán...), một số danh mục mua sắm nhỏ tài liệu lưu trữ chưa đầy đủ hoặc trùng lặp.

3. Công tác đào tạo:

Ưu điểm:

- Viện tổ chức đào tạo theo quy định của pháp luật.
- Cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ cho giảng dạy và học tập đáp ứng được yêu cầu cho việc dạy và học.
- Viện đã ban hành quy chế về quản lý văn bằng, chứng chỉ.
- Thực hiện việc sắp xếp mã số chứng chỉ, chứng nhận giúp thuận tiện cho việc quản lý, phân loại trình độ học viên.
- Việc lưu trữ hồ sơ của học viên được thực hiện khoa học, đầy đủ.

Hạn chế, tồn tại:

- Việc điều chỉnh kế hoạch đào tạo của năm được phê duyệt tại thời điểm cuối năm thực hiện (năm 2019, năm 2020) là chưa hợp lý.
- Đối với công tác thực hiện tự chủ trong việc in và quản lý phôi bằng: Đơn vị cần hoàn thiện quy chế về quy trình in, bảo quản, bảo mật, sử dụng, cấp phát phôi văn bằng, chứng chỉ, trong đó quy định rõ trách nhiệm của từng đơn vị, cá nhân và chế tài xử lý khi để xảy ra vi phạm (theo Điểm a Khoản 2 Điều 12 Thông tư 21/2019/TT-BGDĐT);

Đơn vị cần hoàn thiện quy định thực hiện việc phối hợp với Công an địa phương nơi cơ sở giáo dục đóng trụ sở chính trong việc in, bảo mật, quản lý, sử dụng phôi văn bằng, chứng chỉ (theo Điểm c Khoản 2 Điều 12 Thông tư 21/2019/TT-BGDĐT); Hoàn thiện quy định về việc tổ chức kiểm tra, thanh tra việc in, bảo quản, cấp phát và sử dụng phôi văn bằng, chứng chỉ (theo Điểm e Khoản 2 Điều 12 Thông tư 21/2019/TT-BGDĐT).

4. Công tác Tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo; tiếp nhận ý kiến phản ánh của người dân qua đường dây nóng:

Lãnh đạo viện đã quan tâm công tác tiếp công dân; đã bố trí 01 phòng làm nơi tiếp công dân riêng biệt đảm bảo tốt về cơ sở vật chất. Thực hiện chế độ sổ, sách để theo dõi công tác tiếp công dân. Tuy nhiên công tác này, đơn vị cần phải nghiêm túc rút kinh nghiệm một số nội dung sau để thực hiện tốt hơn trong thời gian mới, cụ thể:

Bố trí phòng tiếp công dân tại tầng 3 tòa nhà của Viện là chưa thuận tiện, khó tìm kiếm (chưa phù hợp với quy định tại Điều 19 Luật Tiếp công dân số 42/2013/QH13); không có biển ghi “Nơi tiếp công dân”.

- Viện bố trí phòng tiếp công dân tại tầng 3 tòa nhà của Viện là chưa thuận tiện, khó tìm kiếm (chưa phù hợp với quy định tại Điều 19 Luật Tiếp công dân số 42/2013/QH13); không có biển ghi “Nơi tiếp công dân”.

- Có sổ Tiếp công dân nhưng chưa ghi chép nội dung theo mẫu hướng dẫn trong sổ tiếp công dân; Chưa niêm yết Lịch tiếp công dân thường xuyên; Lịch tiếp công dân định kỳ của Lãnh đạo Viện.

- Viện chưa thực hiện việc báo cáo định kỳ về công tác Tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo định kỳ về Bộ Y tế (quy định tại Thông tư số 03/2013/TT-TTCT); Chưa thực hiện báo cáo định kỳ của đơn vị về xử lý tiếp nhận đường dây nóng qua phần mềm theo quy định (tại Quyết định số 1933/QĐ-BYT ngày 19/5/2016 của Bộ trưởng Bộ Y tế).

IV. Các biện pháp xử lý đã áp dụng:

Trong quá trình thanh tra, Đoàn thanh tra đã hướng dẫn cụ thể Viện Dinh dưỡng Quốc gia, các đơn vị được kiểm tra khắc phục những hạn chế, thiếu sót, không có hành vi vi phạm phải xử lý theo quy định của pháp luật

V. Kiến nghị:

1. Đối với các Vụ/Cục thuộc Bộ Y tế:

- Đề nghị Vụ Kế hoạch Tài chính sớm Thẩm định Báo cáo quyết toán tài chính năm 2019, 2020 của Viện Dinh dưỡng; Thường xuyên kiểm tra, hướng dẫn đơn vị thực hiện công tác đấu thầu mua sắm theo quy định của Luật đấu thầu và các văn bản hướng dẫn của Bộ Tài chính.

- Đề nghị các Vụ/Cục chức năng thường xuyên kiểm tra, tăng cường công tác quản lý nhà nước thuộc phạm vi, lĩnh vực được giao; Đôn đốc, hướng dẫn việc thực hiện các hoạt động tại đơn vị đúng quy định của pháp luật.

2. Đối với Viện Dinh dưỡng:

- Viện Dinh dưỡng phát huy những ưu điểm đã đạt được, nghiêm túc khắc phục các hạn chế, tồn tại đã nêu tại Mục II, III của Kết luận thanh tra; Báo cáo kết quả thực hiện về Thanh tra Bộ Y tế (số 138B, Giảng Võ, Ba Đình, Hà Nội) **trước ngày 31 tháng 7 năm 2021** để thực hiện hoạt động giám sát sau thanh tra và tổng hợp báo cáo Bộ trưởng Bộ Y tế.

- Lãnh đạo Viện tăng cường công tác phổ biến, quán triệt các quy định của pháp luật về PCTN, quy tắc ứng xử, đạo đức nghề nghiệp cho cán bộ, nhân viên và người lao động trong đơn vị gắn với công tác kiểm tra và giám sát thường xuyên, công khai minh bạch mọi hoạt động theo quy định nhằm phòng ngừa tham nhũng, lãng phí.

- Căn cứ chức năng, nhiệm vụ của đơn vị đề nghiên cứu, xây dựng, sửa đổi, bổ sung các quy chế, quy định có liên quan đến hoạt động của đơn vị, vận dụng phù hợp, tuân thủ chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, quy định của địa phương và hướng dẫn của Bộ Y tế.

- Kiện toàn Ban chỉ đạo PCTN, đảm bảo sự tham gia của đại diện của cả hệ thống chính trị tại đơn vị để thúc đẩy và tăng cường công tác phòng ngừa tiêu cực, tham nhũng, lãng phí trong cơ quan, đơn vị.

- Về công tác đào tạo cần điều chỉnh kế hoạch hợp lý; Bổ sung ban hành quy chế về quy trình in, bảo quản, bảo mật, sử dụng, cấp phát phôi văn bằng, chứng chỉ, trong đó quy định rõ trách nhiệm của từng đơn vị, cá nhân và chế tài xử lý khi để xảy ra vi phạm (theo Điểm a Khoản 2 Điều 12 Thông tư 21/2019/TT-BGDĐT); Bổ sung ban hành quy định thực hiện việc phối hợp với Công an địa phương nơi cơ sở giáo dục đóng trụ sở chính trong việc in, bảo mật, quản lý, sử dụng phôi văn bằng, chứng chỉ (theo Điểm c Khoản 2 Điều 12 Thông tư 21/2019/TT-BGDĐT); Hoàn thiện quy định về việc tổ chức kiểm tra, thanh tra việc in, bảo quản, cấp phát và sử dụng phôi văn bằng, chứng chỉ (theo Điểm e Khoản 2 Điều 12 Thông tư 21/2019/TT-BGDĐT) để công tác thực hiện tự chủ trong việc in và quản lý phôi bằng tại đơn vị.

- Quan tâm tăng cường cơ sở vật chất, điều kiện làm việc, xây dựng hệ thống kho tàng đảm bảo diện tích và điều kiện tiêu chuẩn để quản lý hóa chất, vật tư, sinh phẩm phục vụ công tác chuyên môn của Viện. Sắp xếp, bố trí phòng tiếp công dân cho phù hợp, thuận tiện cho công dân khi đến làm việc, phản ánh... theo hướng dẫn tại Điều 19 Luật Tiếp công dân số 42/2013/QH13).

Trên đây là Kết luận thanh tra việc chấp hành pháp luật về tài chính, ngân sách; phòng chống tham nhũng; Việc tiếp nhận, xử lý, giải quyết đơn thư tại Viện Dinh dưỡng (thời kỳ thanh tra từ 01/01/2018 đến ngày 31/12/2020). Chánh Thanh tra Bộ Y tế giao Trưởng Đoàn thanh tra thực hiện việc công khai Kết luận thanh tra theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Bộ trưởng (để b/c);
- Thanh tra Chính phủ (để b/c);
- TT. Đỗ Xuân Tuyên (để b/c) ;
- Vụ KHTC, TTB-CTYT, TCCB, KHCCN&ĐT(để ph/hợp);
- Cổng thông tin điện tử BYT (để đ.tin);
- Viện Dinh dưỡng (để thực hiện);
- Lưu: TTrB, Đoàn thanh tra.

CHÁNH THANH TRA BỘ

Nguyễn Mạnh Cường

PHỤ LỤC

(Kèm theo Kết luận thanh tra số...../KL-TTrB ngày /6/2021)

Phụ lục 1

Đơn vị tính: Đồng

STT	CHỈ TIÊU	2018	2019	2020
A	B	1	1	1
A	NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC			
I	NGUỒN NGÂN SÁCH TRONG NƯỚC			
1	Số dư kinh phí năm trước chuyển sang	15,490,769,995	19,887,335,456	11,860,136,002
11	Kinh phí thường xuyên/tự chủ	1,250,000,000	5,145,689,827	4,279,136,002
12	Kinh phí không thường xuyên/không tự chủ	14,240,769,995	14,741,645,629	7,581,000,000
2	Dự toán được giao trong năm	70,345,000,000	75,120,000,000	73,690,000,000
	- Kinh phí thường xuyên/tự chủ	31,300,000,000	29,680,000,000	22,920,000,000
	- Kinh phí không thường xuyên/không tự chủ	39,045,000,000	45,440,000,000	50,770,000,000
3	Tổng số được sử dụng trong năm	85,835,769,995	95,007,335,456	85,550,136,002
	- Kinh phí thường xuyên/tự chủ	32,550,000,000	34,825,689,827	27,199,136,002
	- Kinh phí không thường xuyên/không tự chủ	53,285,769,995	60,181,645,629	58,351,000,000
4	Kinh phí thực nhận trong năm	68,581,155,929	78,029,447,975	59,665,305,441
	- Kinh phí thường xuyên/tự chủ	27,404,310,173	30,533,591,825	27,181,160,002
	- Kinh phí không thường xuyên/không tự chủ	41,176,845,756	47,495,856,150	32,484,145,439
5	Kinh phí đề nghị quyết toán	61,307,687,929	81,917,097,975	61,505,055,441
	- Kinh phí thường xuyên/tự chủ	27,404,310,173	30,533,591,825	27,181,160,002
	- Kinh phí không thường xuyên/không tự chủ	33,903,377,756	51,383,506,150	34,323,895,439
6	Kinh phí giảm trong năm	4,640,746,610	1,230,101,479	4,425,280,561
	Kinh phí thường xuyên/tự chủ	4,640,746,610	12,962,000	17,676,000
	Kinh phí không thường xuyên/không tự chủ		1,217,139,479	4,407,604,561
7	Số dư kinh phí được phép chuyển sang năm sau sử dụng và quyết toán	19,887,335,456	11,860,136,002	19,619,800,000
71	Kinh phí thường xuyên/tự chủ	5,145,689,827	4,279,136,002	300,000
72	Kinh phí không thường xuyên/không tự chủ	14,741,645,629	7,581,000,000	19,619,500,000

II	NGUỒN VỐN VIỆN TRỢ			
1	Số dư kinh phí năm trước chuyển sang		2,043,160,536	693,436,041
2	Dự toán được giao trong năm	17,995,882,024	8,298,776,567	10,000,000,000
3	Tổng kinh phí đã nhận viện trợ trong năm	17,995,882,024	8,298,776,567	22,268,927,868
4	Kinh phí được sử dụng trong năm	15,952,721,488	10,341,937,103	22,962,363,909
5	Kinh phí đề nghị quyết toán	15,952,721,488	9,648,501,062	19,345,214,549
6	Số dư kinh phí được phép chuyển sang năm sau sử dụng và quyết toán	2,043,160,536	693,436,041	3,617,149,360
B	NGUỒN PHÍ ĐƯỢC KHẤU TRỪ ĐỂ LẠI			
1	Số dư kinh phí chưa sử dụng năm trước chuyển sang	978,495,300		
	- <i>Kinh phí thường xuyên/tự chủ</i>	978,495,300		
2	Dự toán được giao trong năm	0		
3	Số thu được trong năm	577,250,000		
	- <i>Kinh phí thường xuyên/tự chủ</i>	577,250,000		
4	Tổng số kinh phí được sử dụng trong năm	1,555,745,300		
	- <i>Kinh phí thường xuyên/tự chủ</i>	1,555,745,300		
5	Số kinh phí đã sử dụng đề nghị quyết toán	194,835,000		
	- <i>Kinh phí thường xuyên/tự chủ</i>	194,835,000		
6	Số dư kinh phí được phép chuyển sang năm sau sử dụng và quyết toán	1,360,910,300		
	- <i>Kinh phí thường xuyên/tự chủ</i>	1,360,910,300		
C	NGUỒN HOẠT ĐỘNG KHÁC ĐƯỢC ĐỂ LẠI			
1	Số dư kinh phí chưa sử dụng năm trước chuyển sang	581,953,333	2,118,146,109	2,463,662,670
	- <i>Kinh phí thường xuyên/tự chủ</i>	581,953,333	2,118,146,109	2,463,662,670
2	Số thu được trong năm	5,940,737,500	523,290,000	269,464,000
	- <i>Kinh phí thường xuyên/tự chủ</i>	344,960,000	523,290,000	269,464,000
	- <i>Kinh phí không thường xuyên/không tự chủ</i>	5,595,777,500		
3	Tổng số kinh phí được sử dụng trong năm	6,522,690,833	2,641,436,109	2,733,126,670
	- <i>Kinh phí thường xuyên/tự chủ</i>	926,913,333	2,641,436,109	2,733,126,670
	- <i>Kinh phí không thường xuyên/không tự chủ</i>	5,595,777,500		
4	Số kinh phí đã sử dụng đề nghị	5,765,455,024	177,773,439	555,370,214

	quyết toán			
	- Kinh phí thường xuyên/tự chủ	169,677,524	177,773,439	555,370,214
	- Kinh phí không thường xuyên/không tự chủ	5,595,777,500		0
5	Số dư kinh phí được phép chuyển sang năm sau sử dụng và quyết toán	757,235,809	2,463,662,670	2,177,756,456
	- Kinh phí thường xuyên/tự chủ	757,235,809	2,463,662,670	2,177,756,456
	- Kinh phí không thường xuyên/không tự chủ	0		
D	THU HOẠT ĐỘNG SỰ NGHIỆP			
1	Dự toán được giao trong năm	51,500,000,000	51,190,000,000	55,680,000,000
2	Số thu được trong năm	40,182,047,282	52,739,443,396	43,923,277,132
3	Kinh phí đề nghị quyết toán	25,484,800,964	33,982,315,751	30,100,471,940
4	Chênh lệch thu chi sự nghiệp	14,697,246,318	18,757,127,645	13,822,805,192
	TỔNG CỘNG			
1	Số dư kinh phí chưa sử dụng năm trước chuyển sang	17,051,218,628	24,048,642,101	15,017,234,713
2	Dự toán được giao trong năm	139,840,882,024	134,608,776,567	140,150,000,000
3	Số kinh phí được sử dụng trong năm	152,092,135,434	160,730,152,064	155,168,903,713
4	Kinh phí thực nhận trong năm	134,837,521,368	139,590,957,938	126,126,974,441
5	Số kinh phí đã sử dụng đề nghị quyết toán	108,705,500,405	125,725,688,227	111,506,112,144
6	Kinh phí hủy trong năm	4,640,746,610	1,230,101,479	4,425,280,561
7	Chênh lệch thu sự nghiệp	14,697,246,318	18,757,127,645	13,822,805,192
8	Số dư kinh phí được phép chuyển sang năm sau sử dụng và quyết toán	24,048,642,101	15,017,234,713	25,414,705,816

Phụ lục 2

Stt		Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020
A	Nguồn NSNN			
III	Chi từ nguồn kinh phí từ nhà nước giao	53,169,940,164	80,093,777,852	58,289,953,718
	Chi thường xuyên	19,266,562,408	28,710,271,702	23,966,058,279
1	Chi tiền lương, phụ cấp, độc hại	14,053,745,584	17,739,581,678	17,821,960,177
2	Chi hành chính, dịch vụ	3,105,687,494	3,638,576,064	3,805,449,530

3	Chi mua sắm sửa chữa tài sản	280,237,140	594,768,649	790,672,818
4	Chi các hoạt động chuyên môn khác	1,826,892,190	6,737,345,311	1,547,975,754
	Chi không thường xuyên	33,903,377,756	51,383,506,150	34,323,895,439
1	Chi tiền lương, phụ cấp, độc hại	386181740	-	593,950,028
2	Chi hành chính, dịch vụ	8708054883	9,712,509,402	7,865,102,591
3	Chi mua sắm sửa chữa tài sản	5008934000	26,034,714,000	8,361,750,000
4	Chi các hoạt động chuyên môn khác	19800207133	15,636,282,748	17,503,092,820
B	Nguồn viện trợ			
III	Chi từ nguồn kinh phí viện trợ	15,952,721,488	9,648,501,062	9,218,213,248
1	Chi tiền lương, phụ cấp, độc hại	3,360,000		
2	Chi hành chính, dịch vụ	550,463,100		1,984,440,542
3	Chi mua sắm sửa chữa tài sản			1,930,598,419
4	Chi các hoạt động chuyên môn khác	15,398,898,388	9,648,501,062	5,303,174,287
III	Chi từ nguồn kinh phí khác	5,765,455,024	177,773,439	555,370,214
1	Chi tiền lương, phụ cấp, độc hại	215,726,848	75,782,439	26,781,216
2	Chi hành chính, dịch vụ	230,343,080	5,736,000	23,115,000
3	Chi mua sắm sửa chữa tài sản			
4	Chi các hoạt động chuyên môn khác	5,319,385,096	96,255,000	505,473,998
II	Chi từ nguồn thu sự nghiệp	25,389,396,378	33,944,904,602	30,100,471,940
1	Chi tiền lương, phụ cấp, độc hại	1,387,079,907	1,716,542,896	1,809,307,402
2	Chi hành chính, dịch vụ	178,968,226	672,195,437	2,286,401,109
4	Chi mua sắm sửa chữa tài sản	14,492,500	13,567,400	
5	Chi các hoạt động chuyên môn khác	23,808,855,745	31,542,598,869	26,004,763,429
IV	Chi trích lập quỹ	23,408,640,842	22,157,672,071	16,501,429,553
	Chênh lệch thường xuyên	8,137,747,765	1,823,320,123	3,215,101,723
	Chênh lệch sự nghiệp	15,270,893,077	20,334,351,948	13,286,327,830

Phụ lục 3

ĐVT: đồng

Stt	Nội dung	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020
1	Dư đầu kỳ quỹ bổ sung thu nhập	3.613.295.026	1.196.984.979	422.918.505
2	Trích lập các quỹ bổ sung thu nhập	13.905.792.039	13.975.978.516	11.623.273.080
3	Tổng số chi thu nhập tăng thêm cho cán bộ, công chức, viên chức	16.322.102.086	14.750.044.990	9.103.210.858
4	Dư cuối kỳ quỹ bổ sung thu nhập chuyển năm sau	1.196.984.979	422.918.505	2.942.980.727

Phụ lục 4

Đơn vị tính: Đồng

Stt	Nội dung	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020
I	Thuế TNDN			
1	Số thuế phải nộp trong kỳ	732.716.813	982.131.854	536.477.362
2	Số đã nộp	415.350.997	768.489.066	1.048.382.833
3	Số thuế còn phải nộp cuối kỳ	353.532.774	567.175.562	55.270.091
II	Thuế TNCN			
1	Số thuế phải nộp trong kỳ	401.076.046	2.657.012.033	2.955.539.754
2	Số đã nộp	1.300.761.027	2.412.718.115	2.384.454.346
3	Số còn phải nộp	627.453.853	871.747.771	1.442.742.179
III	Thuế GTGT			
1	Số thuế phải nộp trong kỳ	827.970.332	1.549.159.650	1.303.617.511
2	Số đã nộp	426.216.004	1.919.952.725	1.378.089.331
3	Số còn phải nộp	545.112.859	174.319.784	99.847.964
IV	Thuế môn bài			
1	Số thuế phải nộp	1.000.000	1.000.000	1.000.000
2	Số đã nộp	1.000.000	1.000.000	1.000.000

Phụ lục 5

ĐVT: đồng

	Nội dung	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020
I	BHXH			
1	Số thuế phải nộp	2.671.986.213	2.770.130.797	2.813.223.536
2	Số đã nộp	2.652.871.946	2.996.409.194	2.807.354.657
3	Số còn phải nộp	29.105.060	-255.383.457	-249.514.578
II	BHYT			
1	Số thuế phải nộp	472.493.281	487.111.909	500.645.182
2	Số đã nộp	459.622.231	527.022.663	498.622.489
3	Số còn phải nộp	1.088.807	-40.999.561	-38.976.868
III	BHTN			

1	Số thuế phải nộp	196.271.160	198.939.787	218.563.722
2	Số đã nộp	212.143.866	228.444.246	223.135.655
3	Số còn phải nộp	-23.866.708	-53.371.167	-57.943.100

Phụ lục 6

Đơn vị: Đồng

Nội dung	2018		2019		2020	
	Kế hoạch	Thực hiện	Kế hoạch	Thực hiện	Kế hoạch	Thực hiện
Nghiên cứu sinh (người)	05	01	05	01	03	02
Đào tạo tại Viện:						
-Dinh dưỡng cơ bản (lớp)	04	01	04	04	05	03
-Tư vấn Dinh dưỡng (lớp)	04	03	04		05	03
-Dinh dưỡng tiết chế (lớp)	04	03	04		05	03
-Dinh dưỡng 6 tháng (lớp)			-		02	00
Đào tạo phối hợp doanh nghiệp/địa phương:						
Tập trung (lớp)	02	02	02	10	04	01
Online (lớp)					80 người	0